



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010**

# MỤC LỤC

## I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY C&T

1. Thông điệp của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
2. Lịch sử hình thành và phát triển
3. Tầm nhìn và sứ mệnh
4. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
5. Báo cáo của Ban Kiểm Soát
6. Báo cáo của Ban Giám Đốc

## II. CƠ CẤU TỔ CHỨC - NHÂN SỰ

1. Sơ đồ tổ chức
2. Hội Đồng Quản Trị
3. Ban Kiểm Soát & Ban Giám Đốc
4. Cơ cấu nhân sự và chế độ chính sách
5. Các công ty con và các công ty có liên kết

## III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

1. Báo cáo của Ban Giám Đốc
2. Báo cáo của Kiểm Toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán
4. Kết quả hoạt động kinh doanh
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

## IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2011

## V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội Đồng Quản Trị & Ban Kiểm Soát
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/ thành viên góp vốn



# TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

**TÊN TIẾNG VIỆT:**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư

**TÊN TIẾNG ANH:**

Construction and Materials Trading Joint Stock Company

**MÃ CHỨNG KHOÁN:** CNT**TRỤ SỞ CHÍNH:**

Lầu 6, 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3829 5604 - 3829 5488

Fax: (84-8) 3821 1096

Email: [cnt@cnt.com.vn](mailto:cnt@cnt.com.vn) - [info@cnt.com.vn](mailto:info@cnt.com.vn)

Website: [www.cnt.com.vn](http://www.cnt.com.vn)

**VỐN ĐIỀU LỆ:** 100.150.690.000 đồng

**SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH:** 10.015.069

**GIẤY ĐĂNG KÝ KINH DOANH SỐ:**

0301460120 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP.HCM cấp lần đầu, ngày 04 tháng 3 năm 2003

**MÃ SỐ THUẾ:** 0301460120

THÔNG  
ĐIỆP  
CỦA  
CHỦ TỊCH  
HĐQT



**Kính thưa các quý vị cổ đông, nhà đầu tư, các khách hàng thân thiết, cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong công ty C&T.**

Chúng ta vừa trải qua năm 2010 trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế toàn cầu và những diễn biến đầy phức tạp của kinh tế trong nước, sự biến động của lãi suất ngân hàng, tỷ giá các đồng ngoại tệ, giá cả các loại nguyên nhiên vật liệu, sự tụt dốc của thị trường chứng khoán, sự bất ổn định của thị trường bất động sản và tỷ lệ lạm phát lên đến 11.75% tất cả đã tạo nên những cơn sóng gió và bão táp, những khó khăn ảnh hưởng trực tiếp từng lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Vì vậy, mặc dù chưa hài lòng với những kết quả năm 2010 đã đạt được, song chúng ta cũng đánh giá cao sự cố gắng đầy nhiệt huyết và sự nỗ lực của cán bộ nhân viên ở các lĩnh vực hoạt động; năng lực điều hành linh hoạt và quyết liệt của ban Tổng Giám Đốc. Tất cả đã đóng góp trí tuệ và sức lực của mình đem lại kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 cho Công ty, với con số doanh thu 3.153 tỷ, lợi nhuận 29,281 tỷ và thực hiện chi trả cổ tức 15% cho các cổ đông theo đúng kế hoạch Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông C&T năm 2010 đã thông qua.

Với thành tích đó, tôi xin gửi những lời cảm ơn chân thành nhất đến các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên ban Tổng Giám Đốc, lãnh đạo các phòng, ban, văn phòng đại diện, trung tâm, các công ty thành viên, công ty liên kết cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong công ty đã đoàn kết một lòng, toàn tâm, toàn ý, cùng nhau vượt mọi khó khăn, biến thách thức thành cơ hội, giữ vững vị thế của thương hiệu C&T trên thị trường cả nước.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến lãnh đạo Bộ Xây dựng, lãnh đạo Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1) đã luôn giúp đỡ, hỗ trợ và động viên kịp thời những lúc khó khăn, Xin cảm ơn lãnh đạo UBND TP. Hồ Chí Minh, UBND tỉnh Kiên Giang, thị xã Hà Tiên, UBND tỉnh Long An, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, các sở, ban, ngành chính quyền các tỉnh thành; Cảm ơn các ngân hàng thương mại, quỹ đầu tư SAM, các tổ chức tài chính, các công ty tư vấn và các đối tác chiến lược đã hỗ trợ và hợp tác với công ty C&T trong việc thực hiện các dự án lớn và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010.

Xin cảm ơn các quý vị cổ đông, nhà đầu tư, các khách hàng đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng với chúng tôi trên những chặng đường đã qua.

Năm 2011 đang diễn ra trong tình hình kinh tế đầy biến động, với những giải pháp của chính phủ nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô... chúng ta tiếp tục phải đối mặt với hàng loạt khó khăn trong sản xuất kinh doanh và không có cách nào khác phải tìm cho mình một hướng đi riêng nhằm duy trì sự ổn định cho mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Hội Đồng Quản Trị công ty C&T đã định hướng các phương án hoạt động trên từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, duy trì và phát huy thế mạnh của mô hình hoạt động đa ngành nghề, phối kết hợp giữa các lĩnh vực: kinh doanh thương mại - đầu tư kinh doanh bất động sản - thi công xây lắp - sản xuất công nghiệp - nhằm mục tiêu bảo toàn vốn, nâng cao hiệu quả, tăng trưởng bền vững, đem lại lợi ích cho các cổ đông và đảm bảo đời sống cán bộ nhân viên. Lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên C&T cam kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, tiếp tục biến thách thức thành cơ hội và hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại Hội Cổ Đông đã thông qua.

Hãy tin tưởng và tiếp tục cùng với chúng tôi trên con đường phía trước!

Một lần nữa, trân trọng cảm ơn và kính chúc quý vị nhiều may mắn và thành công trong cuộc sống.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 02 năm 2011

TM. Hội Đồng Quản Trị



**Đỗ Thị Ngọc Bình** - Chủ Tịch HĐQT

# LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



## THÀNH LẬP

Năm 1981 được thành lập với tên gọi Công ty Cung Ứng Vật Tư Vận Tải - Tổng Công ty Xây Dựng số 1 - Bộ Xây Dựng.

## CỔ PHẦN HÓA

Năm 2003, Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (C&T) chính thức chuyển sang mô hình cổ phần hóa với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng.

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU TIÊN

Năm 2008, Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư chính thức niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM với mã chứng khoán CNT, với tổng số cổ phiếu 8.000.000 cổ phiếu, giá chào sàn 10.000 VND/cổ phiếu.

## QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

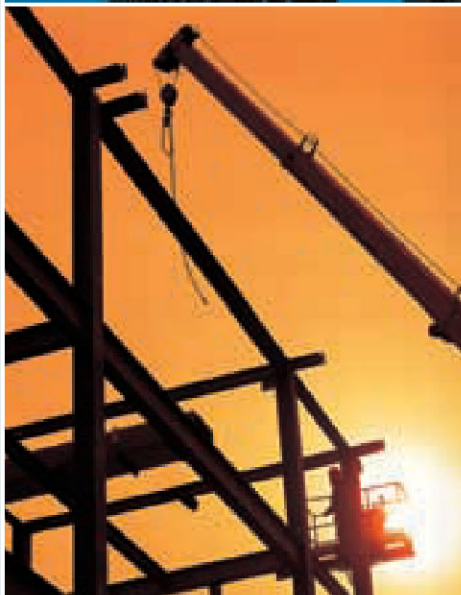
STT	Năm	Tăng vốn điều lệ
Lần 1	2005	36.000.000.000 VNĐ
Lần 2	2006	46.000.000.000 VNĐ
Lần 3	2007	80.000.000.000 VNĐ
Lần 4	2009	100.000.000.000 VNĐ
Lần 5	2010	100.150.690.000 VNĐ

## QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

- 28/5/1976: Xí Nghiệp Cung Ứng Vật Tư Vận Tải trực thuộc Tổng Công Ty Xây Dựng Số 1.
- 26/05/1981: Chuyển thành Công ty Cung Ứng Vật Tư Vận Tải theo Quyết định của Bộ Xây Dựng.
- 24/02/1990: Bộ Xây Dựng bổ sung chức năng nhận thầu xây dựng và đổi tên là Công Ty Xây Dựng và Cung Ứng Vật Tư.
- 15/01/2003: Bộ Xây Dựng ban hành Quyết định Cổ phần hoá Công ty và với tên gọi là Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Kinh Doanh Vật Tư (C&T).
- 28/07/2008: Cổ phiếu Công ty C&T chính thức lên sàn chứng khoán HOSE.
- 01/01/2009: Hiệp Hội Thép Việt Nam chứng nhận là thành viên chính thức.

## MỘT SỐ DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC

Năm	Thành tích	Đơn vị trao tặng
1989	Huân chương Lao động hạng 3	Chủ tịch nước
1999	Huân chương Lao động hạng 2	Chủ tịch nước
2005	Huân chương Lao động hạng 1	Chủ tịch nước
2005	Bằng khen UBND Tỉnh Kiên Giang	Chủ tịch UBND
2006	Bằng khen Bộ Xây Dựng	Bộ Xây Dựng
2007	Cờ đơn vị Xuất sắc	UBND TP.HCM
2009	Huân chương Độc lập hạng 3	Chủ tịch nước
2007-2010	Được xếp trong VNR500 - Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam	
2010	Cờ Thi đua Xuất sắc	Bộ Xây Dựng





## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Kinh doanh thương mại
- Thi công xây lắp
- Sản xuất công nghiệp và khai thác mỏ
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản

## TẦM NHÌN

Đến 2015, C&T tiếp tục là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành giữ vững vị trí là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng; tiếp tục phát triển ổn định các lĩnh vực: xây dựng hạ tầng, sản xuất công nghiệp, khai thác mỏ và đầu tư kinh doanh bất động sản.

## SỨ MỆNH

Cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng ngày càng cao với giá cả cạnh tranh, góp phần thúc đẩy công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh; minh bạch trong mọi hoạt động, không ngừng nâng cao thu nhập người lao động và lợi ích của cổ đông.

Xây dựng văn hóa đặc thù của doanh nghiệp: Đoàn kết cùng phát triển; gắn kết sự thành công của mỗi cá nhân với sự lớn mạnh của C&T hòa cùng với sự phát triển của quốc gia và cộng đồng.

# BÁO CÁO CỦA HĐQT

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ C&T	Công ty con	Hợp nhất sau khi điều chỉnh
Doanh thu bán hàng và dịch vụ	3.153.699	60.057	3.157.861
Lợi nhuận	29.282	2.695	25.416
Cổ tức dự kiến		15%	

## CÁC THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

### TỔ CHỨC NHÂN SỰ:

Hội đồng Quản trị được Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu gồm 06 người:

- Bà Đỗ Thị Ngọc Bình
- Ông Nguyễn Phúc Huy
- Ông Hoàng Ngọc Minh
- Ông Phạm Anh Tuấn
- Bà Nguyễn Thị Minh Hương
- Ông Louis T Nguyen

Năm 2010, HĐQT đã bổ nhiệm:

- Ông Phan Trung Huy Phó Tổng Giám Đốc kiêm Trưởng phòng Xây lắp 1
- Ông Vũ Xuân Thao - Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Theo NQ Đại hội đồng cổ đông, công ty tiến hành thủ tục phát hành 3 triệu cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 130 tỷ đồng với giá 24.000đ/CP, song chỉ phát hành thành công 15.069 cổ phiếu. Như vậy, sau khi phát hành, vốn điều lệ của Công ty là 100.150.690.000 đồng.





## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỪ NĂM 2011 - 2015:

### 1. Nhận định tình hình kinh tế đất nước:

**1.1. Những năm qua, nền kinh tế đất nước chịu ảnh hưởng của khủng hoảng khu vực** và những tác động tiêu cực của nền kinh tế toàn cầu. Mặc dù chính phủ có đưa ra nhiều giải pháp nỗ lực để đạt được nhiều thành tựu đáng kể song nhìn chung, nền kinh tế Việt Nam còn nhiều bất cập, trong đó những yếu kém về kết cấu hạ tầng đang là nguy cơ cản trở sự phát triển kinh tế xã hội.

Lạm phát 11,75 % và lãi suất tăng cao trong năm 2010 và những tháng đầu năm 2011 với sự biến động mạnh về tỷ giá là mối đe dọa cho sự phát triển bền vững.

### 1.2. Một số chủ trương lớn của nhà nước về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2011- 2020 đó là:

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, định hướng XHCN.
- Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ.
- Nhiệm vụ cấp bách năm 2011 là thực hiện những giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát và đảm bảo an sinh xã hội; khuyến khích kinh tế dân doanh, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, chú trọng xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với các công trình hiện đại, tập trung hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị. Mở rộng các hình thức đầu tư theo cơ chế BOT, BT, PPP (hợp tác công tư), ưu tiên các dự án chống biến đổi khí hậu trên cả nước.
- Hướng mạnh các ngân hàng vào việc hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ.



# BÁO CÁO CỦA HĐQT (tiếp theo)

## 2. Mục tiêu chiến lược của C&T giai đoạn 2011 - 2015

**2.1. Giai đoạn 2011-2015 C&T tiếp tục tăng trưởng bền vững**, xây dựng nền tảng cho sự phát triển giai đoạn tiếp theo. Giữ vững vị thế là 1 trong 5 nhà cung cấp hàng đầu cả nước về thép và xi măng trên cả nước. Tiếp tục là nhà thầu có uy tín trong lĩnh vực thi công hạ tầng. Đứng trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam về doanh thu và lợi nhuận.

**2.2. Thu nhập của cán bộ nhân viên ổn định**, đời sống ngày càng tăng, xây dựng văn hóa C&T đoàn kết, gắn bó duy trì sự đồng thuận trong lãnh đạo và phối hợp có hiệu quả các thành viên trong hệ thống tập đoàn C&T.

**2.3. Bảo đảm quyền lợi cho cổ đông**, phần đầu cổ tức không thấp hơn 15% năm hoặc tương đương lãi suất ngân hàng.

## 3. Định hướng phát triển 5 năm 2011 - 2015

**3.1. Giữ mức tăng trưởng bình quân 7% - 10%** trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh thương mại, thi công xây lắp; đồng thời tăng trưởng hàng năm bình quân 20% giá trị đầu tư sản xuất công nghiệp, khai thác mỏ và đầu tư kinh doanh bất động sản. Triển khai với tiến độ và quy mô hợp lý nhằm khai thác có hiệu quả các dự án bất động sản đang có, tìm cơ hội đầu tư thêm dự án mới tại khu vực TP.HCM và các tỉnh thành khác.



### 3.2. Tái cấu trúc công ty với các nội dung:

- Tái cấu trúc bộ máy quản lý và cơ cấu lại nguồn vốn.
- Tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư chất xám, tăng giá trị gia tăng trong sản phẩm kinh doanh thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng mặt hàng và tăng vòng quay vốn lưu động.
- Nghiên cứu và chuyển dẫn cơ cấu ngành nghề tăng tỷ trọng xây lắp và sản xuất công nghiệp, khai thác mỏ và đầu tư kinh doanh bất động sản, nâng cao năng lực thi công các dự án phát triển hạ tầng đô thị, giao thông nông thôn, các dự án trong chương trình chống biến đổi khí hậu trên cả nước.

#### 4. Tăng cường công tác đào tạo và tuyển chọn nhân sự cấp cao lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong công ty.

#### 5. Tài chính Công Ty

**5.1. Để đảm bảo nguồn vốn** đối ứng cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2011-2015, HĐQT có kế hoạch phát hành 200-300 tỷ trái phiếu thường / trái phiếu chuyển đổi, và chọn thời điểm tăng vốn điều lệ, dự kiến năm 2015 vốn điều lệ công ty sẽ tăng lên 300 tỷ.

**5.2. Thường xuyên đánh giá lại** hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các lĩnh vực, các dự án đầu tư để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời và cơ cấu tài chính cho phù hợp, đảm bảo an toàn và đem lại hiệu quả cao nhất.

#### 6. Mở rộng hợp tác kinh doanh

Trên quan điểm tăng cường hợp tác để tăng thêm sức mạnh, HĐQT C&T định hướng tiếp tục mở rộng liên kết với các đối tác trong và ngoài nước nhằm phát triển hơn nữa lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, sản xuất công nghiệp và khai thác mỏ, với mục tiêu tăng trưởng bền vững tạo đà cho sự phát triển những năm tiếp theo.



# BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông:

- Căn cứ Điều 123, 124, 126 của Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11, ngày 29/11/2005;
- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (C&T);
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên lần thứ 8, ngày 22/04/2010;
- Căn cứ Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Xây Dựng và Kinh Doanh Vật Tư.

Nay Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông như sau:

## I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 8:

### 1. Các chỉ tiêu tài chính:

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Nghị Quyết 2010	Thực hiện 2010	Tỷ lệ hoàn thành
<b>- Doanh thu</b>	<b>2.749.100</b>	<b>3.153.699</b>	<b>115%</b>
+ Kinh doanh vật tư trong nước và xuất nhập khẩu	2.438.000	2.926.610	120%
+ Xây lắp, thiết bị, dịch vụ và kinh doanh bất động sản	311.100	227.089	73%
<b>- Lãi gộp</b>	<b>61.753</b>	<b>117.004</b>	<b>189%</b>
+ Kinh doanh vật tư trong nước và xuất nhập khẩu	41.650	86.234	207%
+ Xây lắp, thiết bị, dịch vụ và kinh doanh bất động sản	20.103	30.770	153%
<b>- Lãi trước thuế</b>	<b>37.942</b>	<b>29.282</b>	<b>77%</b>
<b>- Giá trị đầu tư</b>	<b>132.500</b>	<b>59.775</b>	<b>45%</b>

### 2. Về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên lần thứ 8 đã đề ra phương án phát hành 3.000.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tuy nhiên, do tình hình biến động giảm của thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu tại thời điểm phát hành nhỏ hơn giá chào bán. Vì vậy việc phát hành cổ phiếu không được thực hiện như Nghị quyết đề ra.

### 3. Về việc phát hành trái phiếu có quyền chọn mua căn hộ Mỹ Phúc, Q.8:

Theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2010, Công ty sẽ thực hiện phát hành trái phiếu có quyền chọn mua căn hộ dự án Mỹ Phúc tại Quận 8. Tuy nhiên, năm 2010, Công ty đã quyết định tạm hoãn việc phát hành trái phiếu do chưa có nhu cầu sử dụng vốn cho dự án.



## II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 CỦA CÔNG TY

Ban Kiểm soát Công Ty xác nhận báo cáo tài chính của Công Ty năm 2010 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Luật kế toán hiện hành. Trong đó có một số vấn đề lớn cần lưu ý trong tình hình tài chính của Công ty trong năm 2010 như sau:

- Tình hình nợ phải thu khách hàng: Đến 31/12/2010 Công ty còn nợ phải thu khách hàng là 813,27 tỷ đồng, tăng 148% so với năm 2009, trong khi đó doanh thu chỉ tăng 123% so với năm 2009. Điều này cho thấy tình hình thu hồi vốn của Công ty trong năm 2010 hiệu quả không cao, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm lãi vay ngân hàng trong năm 2010 tăng so với năm 2009.

- Về công nợ Công ty TNHH TM SX Bảo Ngọc Tú còn nợ Công ty dự án chung cư Phú Long số tiền là 41,109 tỷ đồng, ngày 26/10/2010 Cục Thi hành án dân sự TP.HCM đã có quyết định cưỡng chế thi hành án buộc Công ty TNHH TM SX Bảo Ngọc Tú phải ký chuyển giao vô điều kiện toàn bộ dự án chung cư Phú Long diện tích 3.062,4 m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 102 Phan Huy ích, P.15, Q. Tân Bình, Tp.HCM cho Công ty.

## III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2010

- Hội đồng quản trị đã quản lý và điều hành hoạt động của công ty theo đúng Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành.

- Hội đồng quản trị của Công ty làm việc rất nghiêm túc. Định kỳ hàng tháng, trên cơ sở kết quả kinh doanh thực tế đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức họp để đánh giá chi tiết từng lĩnh vực hoạt động của công ty, từ đó kịp thời lập kế hoạch định hướng cho những tháng tiếp theo.

- Một số cuộc họp của HĐQT có Ban kiểm soát tham dự. Tất cả các cuộc họp của HĐQT đều có biên bản và được gửi đến Ban kiểm soát.

## IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2010

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty được tổng hợp như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2010	Thực hiện 2009	Tỷ lệ % 2010/2009
<b>- Doanh thu</b>	<b>3.153.699</b>	<b>2.555.470</b>	<b>123%</b>
+ Kinh doanh vật tư trong nước và xuất nhập khẩu	2.926.610	2.325.228	126%
+ Xây lắp, dịch vụ và kinh doanh bất động sản	227.089	230.242	99%
<b>- Lãi gộp</b>	<b>117.004</b>	<b>80.862</b>	<b>145%</b>
+ Kinh doanh vật tư trong nước và xuất nhập khẩu	86.234	63.800	135%
+ Xây lắp, dịch vụ và kinh doanh bất động sản	30.770	17.062	180%
<b>- Lãi trước thuế</b>	<b>29.282</b>	<b>28.127</b>	<b>104%</b>
<b>- Giá trị đầu tư</b>	<b>59.775</b>	<b>201.851</b>	<b>30%</b>

*ĐVT: Triệu đồng*

# BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010 (tiếp theo)

## 1. Trong lĩnh vực kinh doanh vật tư trong nước và xuất nhập khẩu

- Bước sang năm 2010 hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn do đầu năm sức mua thấp và cuối năm thì thiếu vốn trầm trọng, lãi suất ngân hàng tăng cao. Vượt qua những khó khăn đó, Công ty C&T đã đạt được doanh thu kinh doanh vật tư là 2.926 tỷ đồng, đạt 126% so với năm 2009; Lãi gộp năm 2010 là 86,23 tỷ đồng, đạt 135% so với năm 2009; Tỷ lệ lãi gộp trên doanh thu năm 2010 tăng 17% so với năm 2009. Điều này cho thấy Công ty đã có chính sách mua hàng hợp lý, tiết kiệm được giá vốn hàng bán.

- Tuy nhiên lãi trước thuế năm 2010 đạt 29,28 tỷ đồng, tăng trưởng so với năm 2009 4% thấp hơn tốc độ tăng trưởng của lãi gộp, phần lớn do chi phí lãi vay trong năm 2010 tăng đột biến, tăng 191% so với năm 2009. Nguyên nhân chủ yếu do năm 2010 ngân hàng đã cắt khoản hỗ trợ lãi suất cho vay 4%/năm và lãi suất vay vốn ngân hàng những tháng cuối năm tăng, bên cạnh đó là tình trạng Công ty bị khách hàng chiếm dụng vốn tăng hơn so với năm 2009.

- Qua các chỉ tiêu nêu trên ta thấy C&T đã thực hiện tốt các chính sách bán hàng, chính sách mua hàng. Công tác tiếp thị và chăm sóc khách hàng cũng được quan tâm. Tuy nhiên, trước tình hình biến động tăng của lãi vay ngân hàng như hiện nay, vấn đề công nợ vẫn là vấn đề sống còn của doanh nghiệp, vì vậy Ban điều hành cần quan tâm đặc biệt hơn.

## 2. Trong lĩnh vực xây lắp, dịch vụ, kinh doanh bất động sản và đầu tư:

Năm 2010, hoạt động xây lắp, dịch vụ và kinh doanh bất động sản mặc dù không đạt kế hoạch về doanh thu nhưng lợi nhuận gộp thực hiện vượt 53% so với kế hoạch và tăng trưởng 80% so với năm 2009. Đây là một nỗ lực lớn của Ban điều hành Công ty trong điều kiện kinh tế khó khăn năm 2010.

Trong lĩnh vực đầu tư, giá trị đầu tư trong năm 2010 chỉ đạt 77% kế hoạch và đạt 30% năm 2009. Do các dự án còn vướng các thủ tục đầu tư nên triển khai chậm. Cụ thể như sau:

- **Đối với Dự án Green Pearl, Q.2:** theo kế hoạch sẽ hoàn tất quy hoạch 1/500 trong năm 2010 để triển khai các bước tiếp theo. Tuy nhiên, đến nay quy hoạch 1/500 của dự án chưa được phê duyệt.

- **Đối với Dự án Mỹ Phúc, Q.8:** quy hoạch 1/500 đã được phê duyệt cùng với các thủ tục cần thiết khác như thỏa thuận tình không, đấu nối hạ tầng, phòng cháy chữa cháy. Tuy nhiên, việc khởi công chưa thực hiện được trong năm 2010 theo kế hoạch do chưa phê duyệt xong thiết kế cơ sở.

- **Dự án Khu Đô Thị Mới Thị Xã Hà Tiên:** đến nay Công ty đã triển khai hoàn chỉnh hạ tầng điện, nước, thông tin liên lạc một khu vực 50ha. Trong năm 2011, Ban điều hành công ty cần có kế hoạch triển khai các công việc còn lại của dự án phù hợp với tình hình bất động sản trong những năm sắp tới.

## V. KIẾN NGHỊ

### 1. Công tác tài chính:

- Trong năm 2011 là năm rất khó khăn về tài chính, tình hình lãi suất vay vốn tăng. Đề nghị công ty có giải pháp tích cực để thu hồi công nợ và hạn chế duy trì số dư tiền mặt và tiền gửi cao nhằm giảm chi phí sử dụng vốn và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tỷ lệ chi phí quản lý trên doanh thu năm 2010 tăng so với năm 2009. Hiện tại Công ty đã thực hiện được quy chế khoán lương cho các phòng ban trong công ty, đề nghị công ty tiếp tục thực hiện quy chế khoán chi phí tiếp khách, tiếp thị.

## **2. Công tác tiếp thị, kinh doanh**

- Sang năm 2011 tình hình thị trường sẽ có nhiều khó khăn hơn do việc cắt giảm vốn của các công trình có dùng vốn ngân sách. Do vậy, để đảm bảo an toàn vốn và lợi nhuận, công tác tìm hiểu thông tin về khách hàng, về công trình, về chủ đầu tư, cũng như về nguồn vốn thanh toán của khách hàng để đảm bảo nguồn thu hồi vốn trong các hợp đồng kinh doanh được đặt lên hàng đầu.

- Công tác đào tạo cán bộ nhân viên kinh doanh cần đẩy mạnh hơn, đặc biệt cần chuyên môn hóa và đầu tư chất xám nhiều hơn nữa để C&T luôn đảm bảo có thể linh hoạt thích ứng trước thị trường ngày càng cạnh tranh như hiện nay.

- Ngoài ra, Công ty cần phát triển các ngành nghề hoặc mặt hàng kinh doanh mới để mở rộng thị trường kinh doanh.

## **3. Công tác đầu tư và xây lắp và kinh doanh bất động sản:**

- Trong năm 2011, khả năng lạm phát cao và các chính sách vĩ mô sẽ ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện kế hoạch xây lắp cả năm của Công ty. Công ty cần tập trung thực hiện tốt các công trình đã ký, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị đầu thầu các dự án phù hợp với năng lực chủ lực của Công ty.

- Trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản: đề nghị Ban điều hành ngoài việc tiếp tục hoàn tất các thủ tục còn lại của các dự án và triển khai thi công theo kế hoạch, cần thực hiện tốt việc tiếp thị chào bán sản phẩm, đa dạng kênh phân phối cho dự án nhằm thu hồi vốn nhanh, đảm bảo hiệu quả cao nhất.

- Đề nghị Ban điều hành Công ty tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết để thu hồi dự án Chung cư cao tầng Phú Long của Công ty TNHH TM SX Bảo Ngọc Tú theo quyết định của Cục Thi hành án dân sự Tp.HCM và lập kế hoạch triển khai dự án trong năm 2011.

Ban kiểm soát Công Ty Cổ Phần Xây dựng và Kinh doanh Vật Tư xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông.  
Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT

*(đã ký)*

**VÕ NGỌC THẢO** - Trưởng Ban Kiểm Soát

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

## BỐI CẢNH CHUNG:

Năm 2010 là một năm nhiều biến động của nền kinh tế Việt Nam, đan xen giữa những thành công trong điều kiện nền kinh tế thế giới còn gặp nhiều khó khăn là những vấn đề còn tồn tại đòi hỏi chính phủ phải có những chính sách vĩ mô thật sự hiệu quả để không kéo theo những ảnh hưởng cho năm kinh tế 2011. Trong đó, nổi cộm là vấn đề lạm phát (11,75%), biến động của lãi suất, tỷ giá những tháng cuối năm 2010 đã kéo theo hàng loạt khó khăn ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân.

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA C&T NĂM 2010:

Ảnh hưởng xu thế chung của nền kinh tế đất nước, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của C&T gặp không ít khó khăn ngay từ đầu năm khi phải đối mặt với hàng loạt các vấn đề về lạm phát, tỷ giá và lãi suất. Tuy nhiên, chúng ta phải công nhận sự nỗ lực của toàn thể lãnh đạo và nhân viên Công ty để hoàn thành vượt mức mục tiêu của kế hoạch đặt ra, điều này thể hiện qua các chỉ tiêu cụ thể: Doanh thu đạt 3.154 tỷ đồng tăng 23% so với năm 2009, tăng 10% so với kế hoạch đề ra; lợi nhuận trước thuế đạt 29,3 tỷ đồng tăng 4% so với năm 2009 và tăng 8% so với kế hoạch điều chỉnh tháng 9/2010.

Như vậy, so với năm 2009 thì tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 có tăng trưởng, bên cạnh đó việc hoàn tất đợt phát hành tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng kết thúc vào quý I/2010 nên lãi cơ bản trên cổ phiếu so với năm 2009 chỉ đạt 92%.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty được tổng hợp qua Bảng chỉ tiêu thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2010 như sau:

*ĐVT: Triệu đồng*

Stt	Các chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009	Tỷ lệ 2010/2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.153.699	2.555.471	123%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.004	80.862	145%
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.282	28.127	104%
4	Lợi nhuận sau thuế	25.149	22.583	111%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	2.605	2.839	92%







### LĨNH VỰC KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU:

Do hứng chịu những biến động chung của nền kinh tế trong năm 2010, khối kinh doanh phải đối mặt với vô vàn khó khăn để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn song song với việc đạt được doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch đề ra. Ứng phó với tình hình đó, Công ty duy trì chiến lược kinh doanh với tiêu chí hàng đầu là vừa mở rộng hợp tác với các đối tác vừa ưu tiên bảo toàn vốn. Cụ thể là kiểm soát chặt chẽ đầu ra, chọn lọc khách hàng lớn có uy tín, có nguồn tín dụng đảm bảo cùng với cam kết cung cấp cho khách hàng dịch vụ tốt nhất trong khả năng đã giúp Công ty tiếp tục duy trì được lượng khách hàng chiến lược.

Năm 2010, doanh thu kinh doanh & xuất nhập khẩu đạt 2.913 tỷ và lãi gộp đạt 82 tỷ. Công ty vẫn tiếp tục định hướng duy trì và phát huy các mặt hàng nguyên vật liệu xây dựng truyền thống như: Xi măng, sắt thép, cọc cừ thép, cáp dự ứng lực, chất phụ gia bê tông.

### LĨNH VỰC XÂY LẮP:

Có thể nói trong điều kiện kinh tế khó khăn như năm 2010, toàn khối xây lắp đã tương đối hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm và tăng trưởng vượt bậc so với năm 2009. Điều này cho thấy sự cố gắng của tập thể cán bộ nhân viên của khối trong việc tích cực tiếp thị, tìm kiếm cơ hội đấu thầu và đảm bảo tiến độ cũng như chất lượng thi công.

So với năm 2009, doanh thu khối xây lắp đạt 184 tỷ, tỷ lệ tăng trưởng 3%. Mặc dù tỷ trọng doanh thu không cao nhưng đã đóng góp một phần đáng kể vào lợi nhuận toàn Công ty, nâng cao thương hiệu xây lắp của C&T, đặc biệt tại khu vực Tây Nam Bộ.

Trong đó, một số công trình trọng điểm trong năm đem lại giá trị cao như: Công trình khoan cọc nhồi Biên Hòa - Đồng Nai (giá trị hợp đồng 35 tỷ đồng), cấp và đóng cọc bờ kè Long Phú - Sóc Trăng (giá trị hợp đồng 41 tỷ đồng), nhà xưởng chính Mitsuba - Khu Công Nghiệp Amata (giá trị hợp đồng 35 tỷ đồng). Bên cạnh đó, khối xây lắp đã và đang tiếp tục phát huy vào một số công trình ngân sách quốc gia như: Trung tâm hành chính huyện chợ Lách - Bến Tre (giá trị hợp đồng 23 tỷ đồng), kè thị trấn Tân Thạnh (giá trị hợp đồng 28,3 tỷ đồng), đường trục chính số 8 - Đại học quốc gia Tp. HCM (giá trị hợp đồng 27 tỷ đồng).

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## LĨNH VỰC SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG:

Sản phẩm cọc ván bê tông dự ứng lực của Nhà máy Vina PSMC tại Long An trong năm 2010 đã phục vụ hiệu quả một số công trình hạ tầng tại Tp.HCM và khu vực miền Tây Nam Bộ. Việc khai thác đá tại Mỏ đá Trà Đước tại huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, đã đi vào ổn định và đóng góp hơn 4 tỷ đồng vào lợi nhuận Công ty.

## ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN & BẤT ĐỘNG SẢN:

- Thị trường năm 2010 hết sức trầm lắng và dự kiến kéo dài đến năm 2011.
- Lãi suất cao và giá nguyên nhiên vật liệu liên tục tăng là thách thức đối với cả người mua và chủ đầu tư.
- Chính sách siết chặt tín dụng, hạn chế cho vay lĩnh vực phi sản xuất (kể cả tăng trưởng tính dụng lĩnh vực phi sản xuất dưới 20%, trong đó lĩnh vực bất động sản dưới 16%) càng gây khó khăn hơn cho các nhà đầu tư bất động sản trong năm 2011.

### + Dự án Khu Đô thị mới Hà Tiên - Kiên Giang:

Diện tích: 96,25 ha

Tổng mức đầu tư: 334 tỷ đồng.

Đến nay giá trị đầu tư: 224 tỷ đồng.

Hiện nay, dự án đã được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ hệ thống điện, cấp - thoát nước, thông tin liên lạc hoàn chỉnh 50ha. Riêng phần đường giao thông đã hoàn tất lớp đá mặt đường của toàn dự án và đang tiếp tục thi công lớp bê tông nhựa mặt đường, hệ thống thoát nước hoàn thành, trồng cây xanh một số đường chính phục vụ cho các nhà đầu tư đã mua nền đất dự án.

Từ cuộc khủng hoảng kinh tế 2008, tình hình kinh doanh dự án có bị chậm do bối cảnh chung. Đến cuối năm 2010, 740/1701 nền mới được bán ra. Nền thời gian tới, khi thị trường bất động sản ấm lên, nguồn thu từ dự án Hà Tiên sẽ rất lớn, mang lại lợi nhuận ổn định và lâu dài cho Công ty.



### **+ Dự án Green Pearl (C&T Plaza):**

Do nằm trong khu tổng thể 36ha, tại phường An Phú, Quận 2, kết nối khu liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc, trục vòng xoay đại lộ Đông Tây và đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây, là 1 vị trí đặc biệt quan trọng nên việc quy hoạch 1/2000 toàn khu bị chậm mặc dù đã có chủ trương của UBND Tp.HCM hoàn tất vào năm 2010. Đến nay dự kiến việc quy hoạch này sẽ hoàn tất vào tháng 4/2011.

Công ty đã hoàn tất việc đền bù giải phóng mặt bằng dự án khoảng 98% tương đương diện tích 14.657 m<sup>2</sup>.

### **+ Dự án chung cư Mỹ Phúc tại Phường 16, Q.8, Tp.HCM:**

Tổng diện tích thực hiện dự án là 17.809m<sup>2</sup>. Hiện đã hoàn tất đền bù giải phóng mặt bằng.

Do tình hình thị trường chung cư cao tầng không thuận lợi, lãi suất ngân hàng và giá cả nguyên vật liệu tăng cao, Công ty đã chỉ đạo sửa đổi thiết kế, chuyển 30% diện tích sang quy hoạch biệt thự để nâng cao hiệu quả dự án.

### **+ Dự án chung cư Phú Long tại Phường 15, Q. Tân Bình, Tp.HCM:**

Ngày 22/02/2011, Cục thi hành án dân sự Tp.HCM đã có văn bản số 2432/THA-NV gửi UBND Tp.HCM đề nghị chuyển giao dự án chung cư Phú Long từ Công ty TNHH TM & SX Bảo Ngọc Tú cho công ty C&T. Hiện nay Công ty đang tiến hành các bước phê duyệt thiết kế dự án ngay sau khi hoàn tất mọi thủ tục pháp lý (dự kiến hoàn tất vào quý 2/2011).

Ngoài ra, Công ty đang hợp tác với một vài đơn vị khác có quỹ đất cùng phát triển dự án bất động sản trong khu vực Tp. HCM, trong đó ưu tiên dự án có vốn đầu tư nhỏ (dưới 300 tỷ đồng) để thu hồi vốn nhanh.



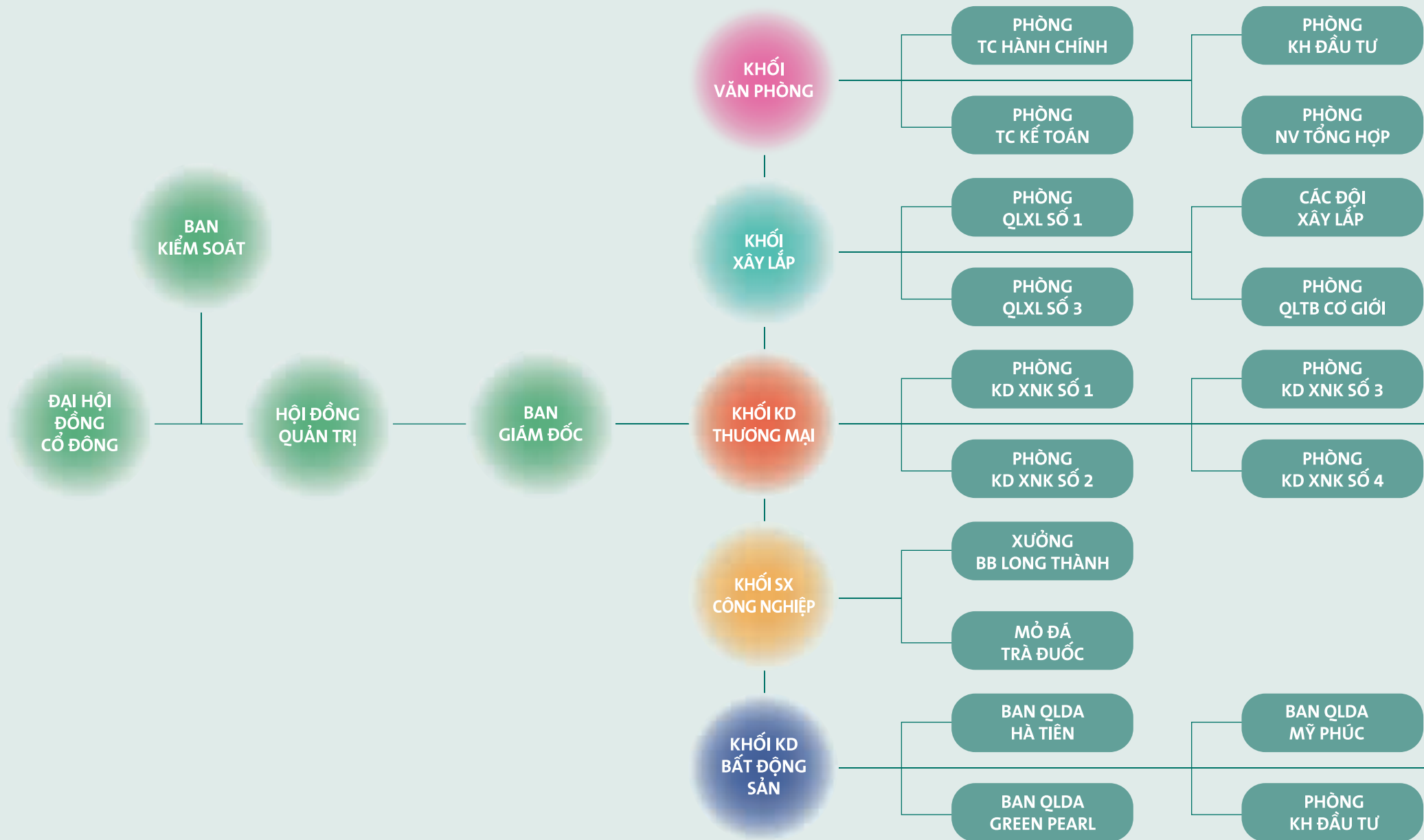


# CƠ CẤU TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

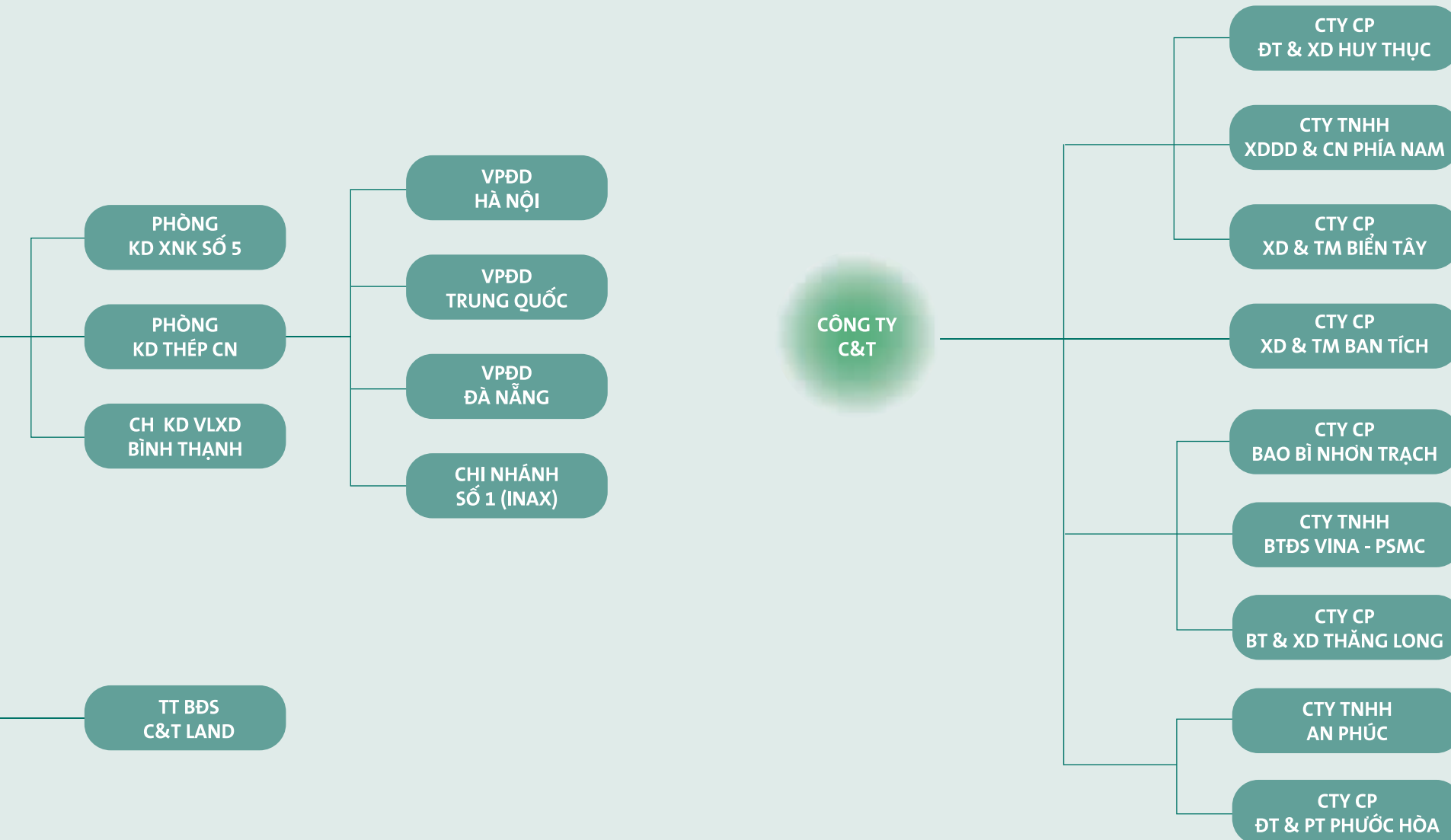




# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY C&T



# CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Bà ĐỖ THỊ NGỌC BÌNH**  
Chủ Tịch HĐQT

**Năm sinh:** 1957

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Thời gian gắn bó với Công ty:** 30 năm

**Kinh nghiệm quản lý tại Công ty:** 24 năm

**Chức vụ tại công ty khác:**

- Chủ Tịch HĐQT Công ty CP Bao bì Nhơn Trạch
- Thành Viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Thương mại Ban Tích



**Ông NGUYỄN PHÚC HUY**  
Phó Chủ Tịch HĐQT  
Cố vấn Tổng Giám Đốc

**Năm sinh:** 1951

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Xây dựng cầu đường

**Thời gian gắn bó với Công ty:** 26 năm

**Kinh nghiệm quản lý tại Công ty:** 25 năm

**Chức vụ tại công ty khác:**

- Chủ Tịch HĐQT Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn Vina-PSMC
- Thành Viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Thương mại Biển Tây



**Ông HOÀNG NGỌC MINH**  
Thành Viên HĐQT  
Phó Tổng Giám Đốc

**Năm sinh:** 1952

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Xây dựng

**Thời gian gắn bó với Công ty:** 18 năm

**Kinh nghiệm quản lý tại Công ty:** 18 năm

**Chức vụ tại công ty khác:**

- Chủ Tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng và Thương mại Biển Tây
- Thành Viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Huy Thục





**Ông PHẠM ANH TUẤN**  
Thành Viên HĐQT  
Tổng Giám Đốc

**Năm sinh:** 1964

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế Ngoại thương

**Thời gian gắn bó với Công ty:** 12 năm

**Kinh nghiệm quản lý tại Công ty:** 10 năm

**Chức vụ tại công ty khác:**

- Thành Viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Thương mại Ban Tích
- Thành Viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phước Hòa



**Bà NGUYỄN THỊ MINH HƯỜNG**  
Thành Viên HĐQT  
Trưởng phòng Kinh doanh XNK số 1

**Năm sinh:** 1956

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

**Thời gian gắn bó với Công ty:** 15 năm

**Kinh nghiệm quản lý tại Công ty:** 15 năm

**Chức vụ tại công ty khác:**

- Thành Viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Thương mại Ban Tích
- Thành Viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Thương mại Biển Tây



**Ông LOUIS T NGUYEN**  
Thành Viên HĐQT

**Năm sinh:** 1963

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân chuyên ngành Tài Chính

**Chức vụ tại công ty khác:**

- Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Saigon Asset Management Corporation
- Thành Viên HĐQT Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK SAVIMEX.
- Thành Viên HĐQT TV HĐQT Công ty CP Đầu tư Việt Phát Hưng.

# BAN KIỂM SOÁT



**BÀ VÕ NGỌC THẢO**  
Trưởng Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1979  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh Tế  
Thời gian gắn bó với Công ty: 6 năm  
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 3 năm  
Chức vụ tại công ty khác:  
Phó phòng tài chính kế toán Tổng công ty xây dựng số 1



**ÔNG HÀ VĂN MINH**  
Thành viên Ban Kiểm Soát  
Trưởng phòng Kinh doanh XNK số 3

Năm sinh: 1970  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Kế toán  
Thời gian gắn bó với Công ty: 10 năm  
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 7 năm



**ÔNG LÊ THANH TÙNG**  
Thành viên Ban Kiểm Soát  
Phó Phòng Quản Lý Xây Lắp Số 1

Năm sinh: 1976  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân QTKD  
Thời gian gắn bó với Công ty: 7 năm  
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 4 năm

# BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**Ông PHẠM ANH TUẤN**  
Thành Viên HĐQT  
Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1964  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương  
Thời gian gắn bó với Công ty: 12 năm  
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 10 năm  
Chức vụ tại công ty khác:  
- Thành Viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Thương mại Ban Tích  
- Thành Viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phước Hòa

**Ông HOÀNG NGỌC MINH**  
Thành Viên HĐQT  
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1952  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng  
Thời gian gắn bó với Công ty: 18 năm  
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 18 năm  
Chức vụ tại công ty khác:  
- Chủ Tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng và Thương mại Biển Tây  
- Thành Viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Huy Thục

**Ông ĐỖ ĐỨC MINH**  
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1958  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy Lợi  
Thời gian gắn bó với Công ty: 17 năm  
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 17 năm  
Chức vụ tại công ty khác:  
- Thành Viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Huy Thục

**Ông PHÙNG ĐẠT ĐỨC**  
**Phó Tổng Giám Đốc**

*Năm sinh: 1975*

*Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đối ngoại*

*Thời gian gắn bó với Công ty: 13 năm*

*Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 8 năm*

*Chức vụ tại công ty khác:*

*- Thành Viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và XD cầu Đồng Nai*

**Ông PHAN TRUNG HUY**  
**Phó Tổng Giám Đốc**  
**Trưởng Phòng Quản Lý Xây Lắp Số 1**

*Năm sinh: 1976*

*Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Ngành kỹ thuật công trình*

*Thời gian gắn bó với Công ty: 12 năm*

*Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 8 năm*

*Chức vụ tại công ty khác:*

*- Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phước Hòa*

**Ông NGUYỄN THANH TUÂN**  
**Phó Tổng Giám Đốc**  
**Trưởng Văn Phòng Đại Diện C&T tại Hà Nội**

*Năm sinh: 1971*

*Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế*

*Thời gian gắn bó với Công ty: 8 năm*

*Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 7 năm*

**Ông TRẦN CÔNG QUỐC BẢO**  
**Phó Tổng Giám Đốc**

*Năm sinh: 1976*

*Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đối ngoại*

*Thời gian gắn bó với Công ty: 13 năm*

*Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 8 năm*

*Chức vụ tại công ty khác:*

*- Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP XD và TM Ban Tích*

*- Thành Viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phước Hòa*

**Ông TRẦN MẠNH HÙNG**  
**Giám Đốc Tài Chính**

*Năm sinh: 1974*

*Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính Doanh Nghiệp, Chứng Chỉ Giám Đốc Tài Chính (CFO)*

*Thời gian gắn bó với Công ty: 8 năm*

*Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 4 năm*

*Chức vụ tại công ty khác:*

*- Kế Toán Trưởng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phước Hòa*

*- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Bao bì Nhơn Trạch, CP Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp phía Nam, Công ty CP Bê tông Xây dựng Thăng Long*

**Bà NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**  
**Kế toán trưởng**

*Năm sinh: 1968*

*Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Chứng Chỉ Giám Đốc Tài Chính (CFO)*

*Thời gian gắn bó với Công ty: 23 năm*

*Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 15 năm*

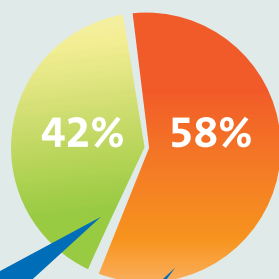
# CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tổng số cán bộ, công nhân viên tính đến thời điểm cuối năm 2010 là 582 người, trong đó:

Phân theo trình độ:	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Đại học, sau đại học	161	28
Cao đẳng	16	3
Trung cấp, lao động phổ thông	405	69

Theo thời gian, đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty không ngừng nâng cao về chất và lượng. Hiện tại C&T đang trong giai đoạn trẻ hóa dần lực lượng lao động, phân khúc đối tượng có trình độ từ cao đẳng trở lên ngày càng tăng. Do loại hình hoạt động kinh doanh là xây dựng nên cơ cấu lao động nam chiếm tỷ lệ khá cao (87%).

Phân bố lao động:



Lao động gián tiếp

Lao động trực tiếp



Trong đó, lực lượng lao động trực tiếp chủ yếu là khối công nhân bộ phận xây lắp, lao động gián tiếp là cán bộ công nhân viên khối văn phòng, các bộ phận quản lý kỹ thuật, lực lượng này chiếm gần 50% do tính chất hoạt động của công ty thiên về kinh doanh và đầu tư phát triển dự án.

**Chính sách đãi ngộ, tuyển dụng và đào tạo:**

Quy trình tuyển dụng được thực hiện theo các tiêu chuẩn đáp ứng tiêu chí sàng lọc nguồn ứng viên đầu vào phù hợp với nhu cầu thực tế. Công ty luôn nêu rõ những tiêu chí và lập trường quan điểm với các ứng viên có quan tâm, với các cán bộ đã gắn bó với công ty trong thời gian lâu năm đều được hưởng các chế độ chính sách đãi ngộ hợp lý với phương châm ưu tiên cho các cán bộ có nguyện vọng gắn bó và đóng góp cho công ty lâu dài. Nhờ đó đội ngũ nhân viên C&T ngày càng phát triển về chất lẫn lượng theo thời gian.



# CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

## I. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn góp của C&T
1	Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn VINA-PSMC	Lô 1699, Khu Công nghiệp Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	70%
2	Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại và Kinh doanh An Phúc	Số 4/4 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	50%
3	Công ty CP Xây dựng - Thương mại Ban Tích	Số 49 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, TP.HCM	45%
4	Công ty CP Xây dựng - Thương mại Biển Tây	Số 49 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, TP.HCM	41,12%
5	Công ty CP Đầu tư - Phát triển Phước Hòa	Ấp Phước Lộc, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	40%
6	Công ty CP Bao bì Nhơn Trạch	Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	27,12%
7	Công ty CP Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp Phía Nam	38E Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.HCM	19%
8	Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Huy Thục	Số 49 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, TP.HCM	17,86%
9	Công ty CP Bê tông Xây dựng Thăng Long	Ấp Thuận Đạo, Bến Lức, tỉnh Long An	17%



**AN PHÚC**  
COMPANY



**Phideco**



**HT**  
HT INCONS CORP



## II. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### 1) CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG ĐÚC SẴN VINA-PSMC

**Trụ sở chính:** Lô 1699, Khu Công Nghiệp Long Định, huyện Cấn Đức, tỉnh Long An

**Đơn vị liên doanh:** Tập đoàn P.S Mitsubishi Corporation LTM Co., Nhật Bản

**Đại diện:**

- Ông Nguyễn Phúc Huy - Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên
- Ông Lê Quảng Châu - Giám Đốc

**Hoạt động chính:**

- Thiết kế, sản xuất các sản phẩm bê tông đúc sẵn như bê tông cốt thép dự ứng lực, cọc ván bê tông dự ứng lực chữ T, bê tông tươi (bê tông trộn sẵn).
- Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình xây dựng khác).

Hạng mục	Năm 2009	Năm 2010
<b>Tình hình tài chính</b>		
Tổng tài sản	65.956	72.124
Vốn chủ sở hữu	28.475	26.969
<b>Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu	73.778	60.057
Lợi nhuận sau thuế	9.912	2.510

*ĐVT: Triệu đồng*

### 2) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ AN PHÚC

**Trụ sở:** Số 4/4 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, quận 1, TP.HCM

**Đại diện:**

- Bà Đỗ Thị Ngọc Bình - Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên
- Ông Lê Huy Vinh - Giám Đốc

**Hoạt động chính:**

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi, san lấp mặt bằng.
- Dịch vụ nhà đất, chuyển quyền sử dụng đất, môi giới bất động sản.
- Kinh doanh nhà.

# CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

## 3) CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI BAN TÍCH

**Trụ sở:** Số 49 Lê Quốc Hưng, P.12, Q.4, TP.HCM

**Đại diện:**

- Ông Trần Công Quốc Bảo - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Giám Đốc

**Hoạt động chính:**

- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, máy móc, thiết bị thi công xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ.

- Cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa.

*ĐVT: Triệu đồng*

Hạng mục	Năm 2009	Năm 2010
<b>Tình hình tài chính</b>		
Tổng tài sản	139.838	186.203
Vốn chủ sở hữu	14.101	19.701
<b>Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu	409.607	593.864
Lợi nhuận sau thuế	2.518	3.220

## 4) CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI BIỂN TÂY

**Trụ sở:** Số 49 Lê Quốc Hưng, P.12, Q.4, TP.HCM

**Đại diện:**

- Ông Hoàng Ngọc Minh - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

- Ông Hoàng Anh Tuấn - Giám Đốc

**Hoạt động chính:**

- Mua bán vật liệu xây dựng, chất phụ gia bê tông, hàng trang trí nội thất, máy móc thiết bị thi công xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ.

- Khai thác khoáng sản.

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây, trạm biến áp.

*ĐVT: Triệu đồng*

Hạng mục	Năm 2009	Năm 2010
<b>Tình hình tài chính</b>		
Tổng tài sản	57.279	52.919
Vốn chủ sở hữu	17.091	16.692
<b>Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu	125.853	185.711
Lợi nhuận sau thuế	4.205	3.951



## 5 CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN PHƯỚC HÒA

**Trụ sở:** Ấp Phước Lộc, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

### Đại diện:

- Ông Đoàn Văn Đức - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
- Ông Phan Trung Huy - Giám Đốc

### Hoạt động chính:

- Khai thác và kinh doanh bến cảng thủy nội địa.
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc, phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiểu thủ công nghiệp.
- Xây dựng các công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình đường dây, công trình trạm biến áp.

*ĐVT: Triệu đồng*

Hạng mục	Năm 2009	Năm 2010
<b>Tình hình tài chính</b>		
Tổng tài sản	13.455	23.679
Vốn chủ sở hữu	4.040	4.308
<b>Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu	50.943	65.943
Lợi nhuận sau thuế	184	71

## 6 CÔNG TY CP BAO BÌ NHƠN TRẠCH

**Trụ sở:** Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### Đại diện:

- Bà Đỗ Thị Ngọc Bình - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
- Ông Nguyễn Đức Văn - Giám Đốc

### Hoạt động chính:

- Sản xuất và kinh doanh bao bì các loại từ giấy, carton, nhựa, gỗ, các mặt hàng dệt may, nhuộm.
- Mua bán, đại lý ký gửi vật tư hàng hóa ngành sản xuất bao bì, cơ khí: sắt, thép đặc chủng, phôi thép, tole silic, thép chịu nhiệt, hạt nhựa và phụ gia ngành nhựa, ngành giấy.
- Mua bán vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư ngành cơ khí và chế tạo máy, các sản phẩm bằng sành sứ, thủy tinh, sợi, dệt, may, sản phẩm bằng da (sợi da, thuộc da).

*ĐVT: Triệu đồng*

Hạng mục	Năm 2009	Năm 2010
<b>Tình hình tài chính</b>		
Tổng tài sản	58.351	146.447
Vốn chủ sở hữu	33.660	48.809
<b>Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu	99.702	107.889
Lợi nhuận sau thuế	8.356	10.490

# CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

## 7) CÔNG TY CP XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP PHÍA NAM

**Trụ sở:** 38E Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.HCM

**Đại diện:**

- Ông Nguyễn Quốc Hùng - Giám Đốc

**Hoạt động chính:**

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Trang trí nội thất.
- Kinh doanh nhà.
- Mua bán, lắp đặt thiết bị công trình xây dựng.

*ĐVT: Triệu đồng*

Hạng mục	Năm 2009	Năm 2010
<b>Tình hình tài chính</b>		
Tổng tài sản	12.870	27.737
Vốn chủ sở hữu	3.434	2.808
<b>Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu	31.933	14.499
Lợi nhuận sau thuế	441	(592)

## 8) CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUY THỰC

**Trụ sở:** Số 49 Lê Quốc Hưng, P.12, Q.4, TP.HCM

**Đại diện:**

- Ông Nguyễn Hữu Thực - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Giám Đốc

**Hoạt động chính:**

- Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp.
- Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc, phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng trang trí nội ngoại thất.
- Thi công cọc bê tông dự ứng lực.
- Xử lý nền móng bằng công nghệ hiện đại, tiên tiến.

*ĐVT: Triệu đồng*

Hạng mục	Năm 2009	Năm 2010
<b>Tình hình tài chính</b>		
Tổng tài sản	45.388	57.755
Vốn chủ sở hữu	5.026	5.691
<b>Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu	81.902	54.424
Lợi nhuận sau thuế	778	(782)

## 9 CÔNG TY CP BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG THẮNG LONG

**Trụ sở:** Ấp Thuận Đạo, Bến Lức, Tỉnh Long An

**Đại diện:**

- Ông Đoàn Văn Đức - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
- Ông Vũ Hồng Phương - Giám Đốc

**Hoạt động chính:**

- Sản xuất và xây lắp, kinh doanh bê tông thương phẩm, vật liệu xây dựng.

*ĐVT: Triệu đồng*

Hạng mục	Năm 2009	Năm 2010
<b>Tình hình tài chính</b>		
Tổng tài sản	85.195	96.875
Vốn chủ sở hữu	45.502	44.112
<b>Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu	42.324	46.229
Lợi nhuận sau thuế	2.708	364





BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
NĂM **2010**







# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là Công ty mẹ) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Bà Đỗ Thị Ngọc Bình	Chủ tịch
- Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
- Ông Hoàng Ngọc Minh	Thành viên
- Ông Nguyễn Phúc Huy	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Minh Hường	Thành viên
- Ông Nguyễn Thế Lữ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/4 /2010)

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
- Ông Trần Công Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phùng Đạt Đức	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Phúc Huy	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Hoàng Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đỗ Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phan Trung Huy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5/1/2010)

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất từng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong từng năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**PHẠM ANH TUẤN - Tổng Giám đốc**

Ngày 8 tháng 4 năm 2011

# BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư**

Số: 344/2011 /Deloitte-AUDHCM-RE

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 42 đến trang 58. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 38 và 39, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 15 tháng 4 năm 2010 đưa ra hạn chế về phạm vi kiểm toán do kiểm toán viên chỉ dựa trên báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty Bê tông Xây dựng Thăng Long và Dự án BOT cầu Đồng Nai để xem xét mức độ giảm giá (nếu có) của các khoản đầu tư này và kiểm toán viên cũng chưa thống nhất việc Công ty ghi nhận chi phí lãi vay của năm 2008 với số tiền là 6.269.546.667 đồng liên quan đến khoản đầu tư vốn vào Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009. Tuy nhiên, các vấn đề nêu trên không còn ảnh hưởng đến báo cáo tài chính được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

## **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

## **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.



Như đã trình bày ở Thuyết minh số 11 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine, một Công ty con của Tổng Công ty, đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục thoái vốn. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine trên báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày theo giá gốc.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày tại thuyết minh số 4.



**Võ Thái Hòa**

Phó Tổng Giám đốc, kiêm  
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV  
Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Ngày 8 tháng 4 năm 2011  
Thành phố Hồ Chí Minh

**Deloitte.**

**Lê Chí Nguyễn**

Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Tầng 11, P. 1105, Trung Tâm TM Sài Gòn  
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT : +84 (0) 8 3910 0751  
Fax : +84 (0) 8 3910 0750  
[www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 2010

ĐVT: Triệu đồng

TÀI SẢN	Công ty		Hợp nhất	
	2010	2009	2010	2009
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.481.816</b>	<b>962.977</b>	<b>1.498.765</b>	<b>994.853</b>
<b>I - Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	87.532	66.744	89.418	74.372
1. Tiền	51.532	63.244	53.418	70.872
2. Các khoản tương đương tiền	36.000	3.500	36.000	3.500
<b>II - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>77.439</b>	<b>50.285</b>	<b>77.439</b>	<b>50.285</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	81.179	53.626	81.179	53.626
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(3.740)	(3.340)	(3.740)	(3.340)
<b>III - Các khoản phải thu</b>	<b>959.310</b>	<b>678.851</b>	<b>965.540</b>	<b>694.349</b>
1. Phải thu khách hàng	813.274	550.186	820.658	565.638
2. Trả trước cho người bán	57.460	27.080	58.626	27.310
3. Các khoản phải thu khác	94.560	107.263	92.444	107.284
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(5.983)	(5.679)	(6.188)	(5.884)
<b>IV - Hàng tồn kho</b>	<b>328.863</b>	<b>144.961</b>	<b>336.858</b>	<b>151.757</b>
1. Hàng tồn kho	329.835	148.169	338.367	155.474
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(972)	(3.208)	(1.509)	(3.717)
<b>V - Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>28.672</b>	<b>22.136</b>	<b>29.510</b>	<b>24.090</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.827	3.992	5.881	4.112
2. Thuế GTGT được khấu trừ	3.892	4.892	3.892	5.498
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	4.297	4.742	4.297	4.742
4. Tài sản ngắn hạn khác	14.655	8.510	15.439	9.738

ĐVT: Triệu đồng

TÀI SẢN	Công ty		Hợp nhất	
	2010	2009	2010	2009
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>373.557</b>	<b>506.204</b>	<b>380.645</b>	<b>518.250</b>
<b>I - Các khoản phải thu dài hạn</b>		3.279		3.279
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		3.279		3.279
<b>II - Tài sản cố định</b>	<b>287.331</b>	<b>386.355</b>	<b>303.564</b>	<b>401.094</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	21.760	25.952	32.764	35.594
- Nguyên giá	53.804	52.002	74.664	69.707
- Giá trị hao mòn lũy kế	(32.044)	(26.050)	(41.900)	(34.113)
2. Tài sản cố định vô hình	1.154	1.154	5.483	5.815
- Nguyên giá	1.154	1.154	7.668	7.668
- Giá trị hao mòn lũy kế			(2.185)	(1.852)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	264.417	359.248	265.317	359.685
<b>III - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>82.522</b>	<b>113.249</b>	<b>73.376</b>	<b>110.538</b>
1. Đầu tư vào công ty con	26.251	26.251	10.125	10.125
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	52.226	82.835	59.206	96.247
3. Đầu tư dài hạn khác	14.170	14.288	14.170	14.291
4. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(10.125)	(10.125)	(10.125)	(10.125)
<b>IV - Tài sản dài hạn khác</b>	<b>3.704</b>	<b>3.321</b>	<b>3.704</b>	<b>3.321</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	1.449	1.897	1.449	1.897
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.966	1.387	1.966	1.404
3. Tài sản dài hạn khác	289	36	289	36
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.855.373</b>	<b>1.469.180</b>	<b>1.879.410</b>	<b>1.513.086</b>

ĐVT: Triệu đồng

NGUỒN VỐN	Công ty		Hợp nhất	
	2010	2009	2010	2009
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.618.713</b>	<b>1.289.454</b>	<b>1.625.017</b>	<b>1.307.618</b>
<b>I - Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.395.032</b>	<b>934.466</b>	<b>1.400.533</b>	<b>952.476</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	917.735	634.863	925.367	641.548
2. Phải trả người bán	356.915	201.666	345.897	207.164
3. Người mua trả tiền trước	27.225	9.109	29.509	10.584
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	2.465	3.747	4.099	4.682
5. Phải trả người lao động	5.728	4.813	6.430	5.811
6. Chi phí phải trả	20.867	8.885	23.075	10.088
7. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng				244
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.543	62.111	58.757	62.718
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	5.191	6.484	5.191	6.484
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.363	2.789	2.207	3.153
<b>II - Nợ dài hạn</b>	<b>223.682</b>	<b>354.987</b>	<b>224.484</b>	<b>355.142</b>
1. Phải trả dài hạn khác	124.057	184.264	124.057	184.264
2. Vay và nợ dài hạn	98.103	170.132	98.773	170.132
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.522	591	1.654	746

ĐVT: Triệu đồng

NGUỒN VỐN	Công ty		Hợp nhất	
	2010	2009	2010	2009
<b>B - NGUỒN VỐN</b>	<b>236.660</b>	<b>179.727</b>	<b>246.295</b>	<b>196.918</b>
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>	<b>236.660</b>	<b>179.727</b>	<b>246.295</b>	<b>196.918</b>
1. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	100.151	80.000	100.151	80.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	81.586	61.375	81.586	61.375
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	682	(46)	682	(46)
4. Quỹ đầu tư phát triển	11.035	9.906	11.795	9.906
5. Quỹ dự phòng tài chính	8.849	6.591	9.077	6.591
6. Lợi nhuận chưa phân phối	34.357	21.900	43.005	39.092
<b>II - Nguồn kinh phí khác và quỹ khác</b>			<b>8.098</b>	<b>8.550</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.855.373</b>	<b>1.469.180</b>	<b>1.879.410</b>	<b>1.513.086</b>

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 2010

DVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Công ty		Hợp nhất	
	2010	2009	2010	2009
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.153.699</b>	<b>2.555.471</b>	<b>3.157.861</b>	<b>2.612.151</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu			120	179
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.153.699	2.555.471	3.157.741	2.611.972
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>3.036.696</b>	<b>2.474.609</b>	<b>3.026.289</b>	<b>2.507.962</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>117.004</b>	<b>80.862</b>	<b>131.452</b>	<b>104.010</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>41.585</b>	<b>55.566</b>	<b>27.013</b>	<b>40.086</b>
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>91.214</b>	<b>73.595</b>	91.948	74.242
Chi phí bán hàng	4.941	6.530	8.887	11.768
Chi phí quản lý Doanh nghiệp	36.462	28.957	41.492	33.773
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25.971	27.346	16.138	24.313
Thu nhập khác	4.701	1.881	4.701	1.909
Chi phí khác	1.390	1.100	1.419	1.158
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3.311</b>	<b>781</b>	<b>3.281</b>	<b>751</b>
<b>Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết</b>			<b>5.997</b>	<b>26.370</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>29.282</b>	<b>28.127</b>	25.416	51.433
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.711	6.815	4.896	6.815
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(579)	(1.270)	(579)	(1.270)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>25.149</b>	<b>22.583</b>	<b>21.099</b>	<b>45.889</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số			753	3.036
Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty			20.346	42.853
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)			2.107	5.386



Doanh thu  
**3.157.861**  
triệu đồng

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 2010

*ĐVT: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Công ty		Hợp nhất	
	2010	2009	2010	2009
<b>I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>29.282</b>	<b>28.127</b>	<b>25.416</b>	<b>51.433</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	6.929	7.038	9.198	9.152
- Các khoản dự phòng	(1.532)	(5.692)	(1.505)	(5.394)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(67)		(67)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(25.818)	(33.649)	(20.002)	(18.633)
- Chi phí lãi vay	89.749	47.107	90.484	47.569
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>98.610</b>	<b>42.864</b>	<b>103.591</b>	<b>84.059</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(279.916)	(40.260)	(260.314)	(84.236)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	(46.928)	(45.386)	(48.154)	(37.142)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	118.436	198.620	97.656	210.873
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(1.387)	6.838	(1.325)	6.726
- Tiền lãi vay đã trả	(115.188)	(54.188)	(115.923)	(54.662)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.020)	(5.383)	(7.020)	(5.383)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	47.780	39.978	48.043	39.978
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(57.205)	(91.805)	(53.474)	(93.478)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(242.819)</b>	<b>51.278</b>	<b>236.921</b>	<b>66.735</b>

*ĐVT: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	Công ty		Hợp nhất	
	2010	2009	2010	2009
<b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(12.093)	(149.826)	(15.852)	(150.386)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	284	90	284	90
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(62.974)	(26.324)	(62.974)	(26.324)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	35.538	5.150	35.542	5.150
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	(35.711)	(6.316)	(35.711)	(19.644)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	66.320	17.675	76.601	17.675
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27.300	16.279	7.517	14.384
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>18.664</b>	<b>(143.272)</b>	<b>(5.406)</b>	<b>(159.055)</b>
<b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận góp vốn của CSH	40.361	1.928	40.361	1.928
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	2.754.254	2.235.178	2.768.580	2.246.795
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	(2.542.870)	(2.156.003)	(2.555.579)	(2.160.935)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(6.793)	(13.096)	(6.773)	(13.096)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>244.971</b>	<b>68.007</b>	<b>246.589</b>	<b>74.692</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>20.816</b>	<b>(23.988)</b>	<b>15.074</b>	<b>(17.628)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>66.744</b>	<b>90.710</b>	<b>74.372</b>	<b>91.979</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(28)	21	(28)	21
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>87.531</b>	<b>66.744</b>	<b>89.418</b>	<b>74.372</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

## 1. THÔNG TIN CHUNG

### Hình thức sở hữu vốn

#### Công ty mẹ

Công ty mẹ là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301460120 đăng ký lần đầu ngày 4 tháng 3 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 8 tháng 2 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM vào ngày 28 tháng 7 năm 2008 với mã chứng khoán là CNT.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 306 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 275 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ là kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc và phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thủ công nghiệp; xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác; đầu tư kinh doanh nhà, xe máy, thiết bị, phụ tùng và các phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, các sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm; dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi...

#### Các công ty con

*Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn VINA-PSMC* (sau đây gọi tắt là "Công ty VINA-PSMC") là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 501022000131 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Long An cấp ngày 22 tháng 7 năm 2008 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty VINA-PSMC là thiết kế, sản xuất các sản phẩm bê tông đúc sẵn như bê tông cốt thép dự ứng lực, cọc ván bê tông dự ứng lực hình chữ T, cung cấp, lắp đặt các sản phẩm bê tông đúc sẵn nói trên. Tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty VINA-PSMC là 70%.

*Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T - Ukraine* ("Công ty C&T - Ukraine") được thành lập tại Ukraine. Hoạt động chính của Công ty C&T - Ukraine là SX và KD bao bì. Tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty C&T - Ukraine là 100%.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH SX và KD bao bì C&T-Ukraine, một Công ty con của

Tổng Công ty được loại trừ khỏi việc hợp nhất báo cáo tài chính vì Công ty này đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục thoái vốn.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban

Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 15
Máy móc thiết bị	3 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	3 - 8
Tài sản khác	2

#### Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không khấu hao.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty mẹ chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

## Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và chi phí phát hành trái phiếu. Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

## Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

## Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì Công ty có thể phân bổ một phần lỗ chênh lệch tỷ giá trong 5 năm tiếp theo sau khi đã hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn đến hạn trả trong năm đó.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 giảm 727.920.635 đồng (năm 2009: tăng 46.039.928 đồng) và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ tăng một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.



### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tổng Công ty được ước tính bằng 2% trên doanh thu.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Tiền mặt	2.864.492.814	2.223.089.988
Tiền gửi ngân hàng	50.553.098.938	68.649.084.651
Các khoản tương đương tiền	36.000.000.000	3.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>89.417.591.752</b>	<b>74.372.174.639</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 2,5% đến 13,5%/năm.

## 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	9.369.350.592	15.421.376.552
Đầu tư ngắn hạn khác	71.809.787.800	38.204.187.800
Dự phòng giảm giá đầu tư CK ngắn hạn	(3.739.712.192)	(3.340.484.152)
<b>Cộng</b>	<b>77.439.426.200</b>	<b>50.285.080.200</b>

Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng tại các ngân hàng với số tiền 21.859.787.800 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 11.859.787.800 đồng), lãi suất từ 10,49% đến 11,04%/năm nhằm đảm bảo cho các khoản vay và các khoản cho các công ty liên doanh, liên kết vay.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 (VND)	31/12/2009 (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	7.195.201.060	4.437.279.264
Công cụ, dụng cụ	270.615.997	266.763.532
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	194.402.279.623	17.725.684.326
Thành phẩm	1.903.244.848	2.446.234.064
Hàng hoá	133.445.038.749	129.196.342.107
Hàng gửi đi bán	1.150.710.280	1.402.096.674
<b>Cộng</b>	<b>338.367.090.557</b>	<b>155.474.399.967</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.508.918.975)	(3.717.386.447)
	<b>336.858.171.582</b>	<b>151.757.013.520</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Tổng Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất của dự án tại Hà Tiên với giá trị là 11.365.813.600 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Tài sản khác (VND)	Tổng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 1/1/2010	14.229.159.057	49.494.856.950	1.189.298.225	4.719.703.493	73.500.000	69.706.517.725
Tăng trong năm	113.293.836	2.935.899.000	198.375.728	-	-	3.247.568.564
Đầu tư XDCB hoàn thành	805.096.786	2.645.267.533	14.950.636	-	-	3.465.314.955
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.405.419.046)	(210.921.270)	-	-	(1.616.340.316)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(139.200.000)	-	(139.200.000)
Tại ngày 31/12/2010	15.147.549.679	53.670.604.437	1.191.703.319	4.580.503.493	73.500.000	74.663.860.928
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 1/1/2010	3.783.938.051	26.113.094.381	898.085.317	3.253.587.114	64.312.488	34.113.017.351
Khấu hao trong năm	1.195.091.923	7.538.833.517	222.083.860	517.742.309	9.187.512	9.482.939.121
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.350.657.167)	(202.155.495)	-	-	(1.552.812.662)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(142.950.000)	-	(142.950.000)
Tại ngày 31/12/2010	4.979.029.974	32.301.270.731	918.013.682	3.628.379.423	73.500.000	41.900.193.810
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2010	<b>10.168.519.705</b>	<b>21.369.333.706</b>	<b>273.689.637</b>	<b>952.124.070</b>	<b>-</b>	<b>32.763.667.118</b>
Tại ngày 31/12/2009	<b>10.445.221.006</b>	<b>23.381.762.569</b>	<b>291.212.908</b>	<b>1.466.116.379</b>	<b>9.187.512</b>	<b>35.593.500.374</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và 20, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lần lượt là 43.599.028.152 đồng và 20.220.909.270 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 39.019.926.651 đồng và 23.307.691.088 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải và tài sản khác bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị lần lượt là 12.356.394.322 đồng, 731.924.230 đồng, 1.718.392.915 đồng và 73.500.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 11.350.816.473 đồng, 636.417.549 đồng, 1.344.143.062 đồng và 0 đồng).

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2010 và 31/12/2010	7.537.894.755	130.121.273	7.668.016.028
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2010	1.742.212.681	110.044.236	1.852.256.917
Khấu hao trong năm	319.184.000	13.077.039	332.261.039
Tại ngày 31/12/2010	2.061.396.681	123.121.275	2.184.517.956
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2010	<b>5.476.498.074</b>	<b>6.999.998</b>	<b>5.483.498.072</b>
Tại ngày 31/12/2009	<b>5.795.682.074</b>	<b>20.077.037</b>	<b>5.815.759.111</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Tổng Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lần lượt là 6.383.680.000 đồng và 4.322.283.319 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 6.383.680.000 đồng và 4.641.467.319 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 với giá trị là 118.121.273 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 87.000.000 đồng).

## 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2010 (VND)	31/12/2009 (VND)
Mua sắm tài sản cố định	444.618.660	44.618.570
Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2	236.360.334.439	210.669.433.908
Công trình mở rộng, nâng cấp cảng Phước Hòa	24.568.411.093	23.573.480.145
Công trình trạm nghiền phục vụ mỏ đá	2.750.000.000	-
Dự án lấn biển Hà Tiên - Kiên Giang	-	124.767.240.093
Công trình mỏ đá Trà Đước - Kiên Giang	293.675.450	193.675.450
Công trình đường nội bộ và bãi đổ bê tông, bờ kè	900.272.753	436.422.547
<b>Cộng</b>	<b>265.317.312.395</b>	<b>359.684.870.713</b>

Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2 được hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư XD Phát triển Đô thị Sông Đà theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1023/2009/HTĐT ngày 4 tháng 12 năm 2009. Tổng vốn đầu tư của dự án theo hợp đồng là 1.400 tỷ đồng được góp bởi hai bên theo tỉ lệ 50% để đầu tư dự án Tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Q.2. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng với tổng chi phí thực hiện là 236.360.334.439 đồng.

Công trình mở rộng, nâng cấp cảng Phước Hòa thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng cho khu đất tại Xã Tân Phước, Huyện Tân Thành, Tỉnh BR-VT. Khi công trình hoàn thành, Công ty sẽ cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa (Công ty liên kết của Công ty) thuê lại theo hợp đồng thuê số 06-08/HĐKT-PhideCo ngày 1 tháng 7 năm 2008 với giá đơn giá thuê là 12.000 đồng/m<sup>2</sup>/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng chi phí thực hiện là 24.568.411.093 đồng.

## 11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào Công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH SX và KD bao bì C&T-Ukraine. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH SX và KD bao bì C&T-Ukraine do công ty này đã tạm ngừng hoạt động, đang làm thủ tục thoái vốn. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định trình bày khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty theo giá gốc và lập dự phòng giảm giá cho toàn bộ khoản đầu tư là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã xem xét và đánh giá rằng không có các nghĩa vụ nợ tiềm tàng nào phát sinh từ hoạt động của công ty con này. Do đó, dự phòng cho nghĩa vụ nợ tiềm tàng không cần thiết phải trích lập. Tuy nhiên, các nghĩa vụ nợ tiềm tàng có thể phát sinh do các qui định pháp lý của nước sở tại.

## 12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc	4/4 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh	50%	50%	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Kinh doanh nhà. Dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Mua bán thực phẩm tươi sống. Đại lý ký gửi hàng hoá. Dịch vụ nhà đất, môi giới bất động sản. Mua bán bánh kẹo, thiết bị máy móc, vải sợi.
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	49 Lê Quốc Hưng, P. 12, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh	45%	45%	Kinh doanh sắt - thép, xi măng, nhựa đường, máy móc thiết bị cho các công trình xây dựng cao ốc văn phòng, đường xá, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, nguyên liệu gỗ, đồ thủ công mỹ nghệ, nông sản và các lĩnh vực dịch vụ khác.
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	49 Lê Quốc Hưng, P. 12, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh	41,12%	41,12%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, chất phụ gia bê tông, hàng trang trí nội thất, máy móc thiết bị thi công xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ. Khai thác khoáng sản. SX vật liệu xây dựng. X dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây, trạm biến áp. Kinh doanh nhà, mua bán xe máy, thiết bị phụ tùng và phương tiện vận tải, hàng điện tử, điện lạnh, gốm sứ, sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, cho thuê kho bãi, dịch vụ khai thuê hải quan.
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	Ấp Phước Lộc, Xã Tân Phước, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	40%	40%	Khai thác và kinh doanh bến cảng thủy nội địa. SX và lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn. SX và kinh doanh bê tông tươi, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc, phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp. XD các công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình trạm biến áp, đường dây. Dịch vụ giao nhận, vận tải hàng, kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải. Dịch vụ bảo trì, ký gửi hàng hoá. Khai thác và kinh doanh khoáng sản.
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	27,12%	27,12%	Sản xuất và kinh doanh bao bì các loại từ giấy, carton, nhựa, gỗ, các mặt hàng dệt may, nhuộm. Mua bán, đại lý ký gửi vật tư hàng hoá ngành sản xuất bao bì, cơ khí. Mua bán vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư ngành cơ khí và chế tạo máy, các sản phẩm bằng sành sứ, thủy tinh, sợi, dệt, may, sản phẩm bằng da.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Công ty TNHH Thương mại XD và KD nhà An Phúc	26.707.442.806	26.733.728.157
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Phố Đông	-	43.026.996.792
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	8.865.425.975	6.425.025.006
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	7.214.700.611	7.456.616.490
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	3.043.125.338	3.013.851.395
Công ty Cổ phần bao bì Nhơn Trạch	13.375.738.504	9.590.904.908
<b>Cộng</b>	<b>59.206.433.234</b>	<b>96.247.122.748</b>

Thông tin tài chính tóm tắt về khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh như sau:

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	52.225.803.000	82.834.703.000
Lãi do đầu tư	6.980.630.234	13.412.419.748
<b>Cộng</b>	<b>59.206.433.234</b>	<b>96.247.122.748</b>

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Doanh thu thuần	953.407.907.736	684.944.957.317
Lợi nhuận thuần	17.680.875.984	58.433.359.953
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	5.996.841.968	26.369.551.616

## 13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Đầu tư trái phiếu	-	121.200.000
Đầu tư dài hạn khác	14.170.000.000	14.170.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.170.000.000</b>	<b>14.291.200.000</b>

Chi tiết khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Công ty Bê tông Xây dựng Thăng Long	10.200.000.000	10.200.000.000
Dự án BOT cầu Đồng Nai	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Huy Thục	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH XD dân dụng và công nghiệp Phía Nam	570.000.000	570.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.170.000.000</b>	<b>14.170.000.000</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn khác và không có khoản đầu tư nào giảm giá. Do vậy, Tổng Công ty không trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

## 14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Chi phí thuê văn phòng	609.000.000	974.400.000
Chi phí phát hành trái phiếu	472.222.218	805.555.554
Chi phí sửa chữa văn phòng	367.887.815	117.287.368
<b>Cộng</b>	<b>1.449.110.033</b>	<b>1.897.242.922</b>

## 15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm:

	Khấu hao nhanh (VNĐ)	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác (VNĐ)	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Tại ngày 1/1/2010	92.554.163	1.311.306.513	(16.874.624)	1.386.986.052
Ghi tăng lợi nhuận trong năm	-	561.934.370	16.874.624	578.808.994
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>92.554.163</b>	<b>1.873.240.883</b>	<b>-</b>	<b>1.965.795.046</b>

## 16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Nợ ngắn hạn	868.063.316.760	641.547.624.462
Chi tiết:		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	146.162.695.983	148.826.578.891
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	199.072.684.532	165.594.326.645
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 6	-	24.591.260.394
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4	149.591.984.863	54.984.267.810
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	174.982.878.574	146.204.640.254

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Công ty tài chính dầu khí - Chi nhánh TP. HCM	-	29.764.622.726
Công ty tài chính cổ phần Xi Măng	28.076.971.572	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	18.643.063.885	-
Ngân hàng cổ phần Quận Đới - Chi nhánh Chợ Lớn	135.353.531.951	71.581.927.742
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	16.009.505.400	-
Cá nhân	170.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)	57.303.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>925.367.116.760</b>	<b>641.547.624.462</b>

Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính khác với tổng hạn mức vay là 911.870.000.000 đồng với lãi suất lãi tiền vay một năm từ 13% đến 18,5%. Trong đó:

- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền sở hữu phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích và Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác (khi ngân hàng có yêu cầu), các khoản phải thu (khi ngân hàng có yêu cầu).
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Hà Tiên, cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 và tín chấp.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 được đảm bảo theo theo Hợp đồng thế chấp số 010.022.002 ngày 19 tháng 4 năm 2010 (quyền đòi nợ), Hợp đồng thế chấp số 010.022.003 19 tháng 4 năm 2010 (tài sản là máy móc, thiết bị).
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn và Công ty tài chính cổ phần Xi Măng được đảm bảo bằng việc thế chấp thông qua quản lý nguồn thu và tín chấp.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng theo hợp đồng cầm cố tài sản số 0136/NHNT ngày 12 tháng 5 năm 2010.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Chợ Lớn được đảm bảo bằng quyền sử dụng 13.864 m<sup>2</sup> đất tại Phường 16, Quận 8, Tp. HCM thuộc sở hữu của Công ty TNHH thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 0515.08/HDTTC ngày 30 tháng 12 năm 2008, 0632.09/HDTTC ngày 16 tháng 2 năm 2009, 0591.09/HDTTC ngày 21 tháng 7 năm 2009.

## 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Thuế giá trị gia tăng	2.442.606.556	1.451.832.894
Thuế xuất nhập khẩu	321.615.281	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	555.280.383	2.679.133.759
Thuế tài nguyên	97.128.096	119.291.040
Thuế thu nhập cá nhân	397.056.657	296.663.242
Các loại thuế khác	285.317.600	134.952.300
<b>Cộng</b>	<b>4.099.004.573</b>	<b>4.681.873.235</b>

## 18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (VNĐ)
Tại ngày 1/1/2010	6.483.564.827
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	1.770.882.805
Sử dụng trong năm	(3.063.118.283)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>5.191.329.349</b>

## 19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Khách hàng ứng trước tiền cho các dự án	-	156.248.749.423
Công ty Đầu tư XD Phát triển Sông Đà (*)	66.594.289.400	28.015.260.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (**)	57.462.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>124.056.789.400</b>	<b>184.264.009.423</b>

(\*) Đây là khoản vốn góp bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Sông Đà để thực hiện Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2 tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Dự án này được thực hiện bởi Công ty theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1023/2009/HTĐT ngày 4 tháng 12 năm 2009 như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

(\*\*) Đây là khoản vốn góp bởi Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 để thực hiện Dự án chung cư Mỹ Phúc tại Quận 8 tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Dự án này được thực hiện bởi Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc, công ty liên kết của Công ty.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010 (VND)	31/12/2009 (VND)
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Gia Định	-	55.965.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	23.587.240.000	47.507.036.278
Ngân hàng cổ phần Quân đội - Chi nhánh Chợ Lớn	670.008.236	-
Vay dài hạn cá nhân	34.515.409.131	26.660.129.881
Phát hành trái phiếu - kỳ hạn 3 năm	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>98.772.657.367</b>	<b>170.132.166.159</b>

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính khác và các cá nhân với tổng hạn mức vay là 133.340.817.367 đồng và mức lãi suất lãi tiền vay một năm từ 12% đến 14,4%. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay đối với các Ngân hàng và các tổ chức tín dụng và tín chấp đối với các cá nhân.

Phát hành trái phiếu được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc khi đáo hạn bởi Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long, là trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản thế chấp để sử dụng cho việc tái cơ cấu tài chính, cải thiện chỉ số thanh toán và đáp ứng một phần cho việc đền bù giải tỏa một số dự án bất động sản, mệnh giá: 1.000.000 VNĐ. Thời hạn 3 năm từ tháng 5 năm 2009, lãi suất 12%/năm cố định cho 06 tháng đầu của năm thứ nhất, sau đó tính bằng lãi suất bình quân huy động tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của 5 Ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội) vào thời điểm tại ngày tính lãi cộng (+) 3,5%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010 (VND)	31/12/2009 (VND)
Trong vòng một năm	57.303.800.000	-
Trong năm thứ hai	41.094.008.236	130.132.166.159
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	57.678.649.131	40.000.000.000
	<b>156.076.457.367</b>	<b>170.132.166.159</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(57.303.800.000)	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>98.772.657.367</b>	<b>170.132.166.159</b>

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2010 (VND)	31/12/2009 (VND)
<b>Được phép phát hành:</b>		
Số lượng - cổ phần	10.015.069	8.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị - đồng</b>	<b>100.150.690.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
	<b>31/12/2010 (VND)</b>	<b>31/12/2009 (VND)</b>
<b>Đã được phát hành và góp vốn đủ:</b>		
Số lượng - cổ phần	10.015.069	8.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị - đồng</b>	<b>100.150.690.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị thuần của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 322/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 7 năm 2009, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 2.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Việc phát hành thêm cổ phần của Tổng Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn tại giấy chứng nhận 451/UBCK-GCN ngày 11 tháng 11 năm 2009. Trong năm, Tổng Công ty đã nhận đủ vốn góp từ cổ đông và toàn bộ cổ phần phát hành thêm được chính thức lưu hành vào ngày 5 tháng 3 năm 2010.

Theo Nghị quyết số 212/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 3.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 10:3 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được quyền mua 03 cổ phiếu phát hành thêm). Việc phát hành thêm cổ phần của Tổng Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn tại giấy chứng nhận 629/UBCK-GCN ngày 5 tháng 8 năm 2010. Theo nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 8 tháng 12 năm 2010 về việc kết thúc việc chào bán cổ phiếu, tổng số cổ phiếu đã phân phối là 15.069, chiếm 0,5% tổng số cổ phiếu được phép phát hành, hủy bỏ toàn bộ 2.984.931 cổ phiếu không phát hành. Số cổ phần này được chính thức lưu hành ngày 21 tháng 1 năm 2011.

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	Vốn điều lệ (VNĐ)	Thặng dư vốn cổ phần (VNĐ)	Cổ phiếu quỹ (VNĐ)	Chênh lệch tỉ giá hối đoái (VNĐ)	Quỹ đầu tư và phát triển (VNĐ)	Quỹ dự phòng tài chính (VNĐ)	Lợi nhuận chưa phân phối (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
Tại 1/1/2009	80.000.000.000	60.004.226.000	(557.000.000)	-	9.017.198.250	4.833.543.405	1.400.499.891	154.698.467.546
Bán cổ phiếu quỹ	-	1.371.128.000	557.000.000	-	-	-	-	1.928.128.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	42.853.139.870	42.853.139.870
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	-	(46.039.928)	-	-	-	(46.039.928)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	17.682.750.000	17.682.750.000
Phân phối quỹ	-	-	-	-	889.088.557	1.778.177.115	(5.400.899.280)	(2.733.633.608)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.933.160.000)	(15.933.160.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(20.844.913)	(1.510.787.311)	(1.531.632.224)
<b>Tại 31/12/2009</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>61.375.354.000</b>	<b>-</b>	<b>(46.039.928)</b>	<b>9.906.286.807</b>	<b>6.590.875.607</b>	<b>39.091.543.170</b>	<b>196.918.019.656</b>
Tăng vốn trong năm	20.150.690.000	20.210.283.916	-	-	-	-	-	40.360.973.916
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	20.346.060.120	20.346.060.120
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	-	727.920.635	-	-	-	727.920.635
Phân phối quỹ (1)	-	-	-	-	1.129.161.399	2.258.322.797	(5.692.811.686)	(2.305.327.490)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	759.846.424	227.953.927	(3.740.048.972)	(2.752.248.621)
<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>100.150.690.000</b>	<b>81.585.637.916</b>	<b>-</b>	<b>681.880.707</b>	<b>11.795.294.630</b>	<b>9.077.152.331</b>	<b>43.004.742.632</b>	<b>246.295.398.216</b>

(1): Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi của Tổng Công ty với số tiền tương ứng 1.129.161.399 đồng, 2.258.322.797 đồng và 4.516.645.595 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2010. Trong đó, khoản trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm trích trước trong năm 2009 là 2.211.318.105 đồng và trích bổ sung trong năm 2010 là 2.305.327.490 đồng.

(2): Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2010, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 13.400.000.000 đồng (1.675 đồng/cổ phần), trong đó việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 là 6.400.000.000 đồng (800 đồng/cổ phần) đã được thực hiện vào tháng 12 năm 2009. Ngày 4 tháng 5 năm 2010, Tổng Công ty đã công bố về việc chi trả cổ tức đợt 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sau khi trích lập các quỹ, theo đó Tổng Công ty đã trích 7.000.000.000 đồng.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 22. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

- Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

### Công ty VINA - PSMC (VNĐ)

Tại ngày 31/12/2009 và 31/12/2010

Vốn góp của công ty con	23.047.855.969
Trong đó:	
- Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	16.126.455.969
- Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	6.921.400.000

**Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số 30%**

- Lợi ích của cổ đông thiểu số:

### Công ty VINA - PSMC

	31/12/2010 (VNĐ)	31/12/2009 (VNĐ)
Vốn của cổ đông thiểu số	6.921.400.000	6.921.400.000
Quỹ đầu tư và phát triển	325.648.467	-
Quỹ dự phòng tài chính	97.694.540	-
Lợi nhuận chưa phân phối	752.959.946	1.628.242.336

**Cộng 8.097.702.953 8.549.642.336**

- Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010:

### Công ty VINA - PSMC (VNĐ)

Lãi trong năm	2,509,866,486
Lãi của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	752.959.946

## 23. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Doanh thu bán hàng hóa	2.930.652.790.687	2.369.757.883.814
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.680.596.552	16.542.636.381
Doanh thu kinh doanh bất động sản	10.669.430.952	40.851.949.939
Doanh thu hoạt động xây dựng	184.738.442.233	184.819.628.771
<b>Cộng</b>	<b>3.157.741.260.424</b>	<b>2.611.972.098.905</b>

## 24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	2.867.273.514.268	2.289.031.674.021
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.952.169.956	12.232.674.515
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	8.709.239.553	33.951.763.324
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	138.353.991.996	172.745.705.804
<b>Cộng</b>	<b>3.026.288.915.773</b>	<b>2.507.961.817.664</b>

## 25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.859.978.687	2.502.432.675
Cổ tức, lợi nhuận được chia	880.971.600	260.900.050
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.577.330.702	2.345.399.946
Lãi bán hàng trả chậm	11.650.480.646	10.687.561.211
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.044.561.332	24.289.595.773
<b>Cộng</b>	<b>27.013.322.967</b>	<b>40.085.889.655</b>

## 26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Lãi tiền vay	90.483.506.315	47.568.528.490
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	600.165.774	3.646.067.248
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	399.228.040	383.672.684
Chi phí tài chính khác	465.545.470	22.643.907.526
<b>Cộng</b>	<b>91.948.445.599</b>	<b>74.242.175.948</b>



## 27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Lợi nhuận trước thuế	25.416.459.385	51.433.444.064
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.233.858.304)	(1.830.915.452)
Trừ : Lãi đầu tư vào công ty liên kết	(5.996.841.968)	(26.369.551.616)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.703.572.556	8.529.339.438
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>22.889.331.669</b>	<b>31.762.316.434</b>
Lỗ mang sang	(2.229.345.541)	-
<b>Thu nhập chịu thuế sau điều chỉnh</b>	<b>20.659.986.128</b>	<b>31.762.316.434</b>
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế với thuế suất 0%	-	10.679.734.866
- Thu nhập chịu thuế với thuế suất 12,5%	1.480.945.428	-
- Thu nhập chịu thuế với thuế suất 25%	19.179.040.700	21.082.581.568
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.979.878.354</b>	<b>5.270.645.392</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp 2% (*)	(83.630.041)	823.270.363
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	720.625.791
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau điều chỉnh</b>	<b>4.896.248.313</b>	<b>6.814.541.546</b>

(\*) Công ty tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tiền thu trước của khách hàng về chuyển nhượng bất động sản.

## 28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được tính trong năm như sau:

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Lợi nhuận trong năm	21.099.020.066	45.889.340.226
Phân bổ cho:		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	752.959.946	3.036.200.356
- Cổ đông của Tổng công ty	20.346.060.120	42.853.139.870
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.346.060.120	42.853.139.870
Số CP phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên CP	9.654.795	7.955.668
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>2.107</b>	<b>5.386</b>

## 29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
<b>Tổng Công ty xây dựng số 1</b>		
Thực hiện xây lắp	-	824.710.919
Bán vật tư	24.527.571.253	7.564.045.841
Bán vé máy bay	1.806.766.896	-
Chi trả cổ tức	-	2.683.520.501
<b>Công ty Cổ phần XD và TM Biển Tây</b>		
Bán vật tư	325.222.842	386.579.495
Khai thác đá	7.020.619.150	4.520.675.760
Giao thầu xây lắp	10.759.337.132	7.121.051.963
Mua vật tư	91.292.496.077	57.961.092.974
Thu hoàn ứng	-	19.532.841.970
Cho vay	245.295.154	1.700.000.000
<b>Công ty Cổ phần XD và TM Ban Tích</b>		
Bán vật tư	76.632.774.498	32.406.675.266
Mua vật tư	15.734.783.601	63.089.544.053
Thu hồi tiền ứng mua vật tư	-	32.442.471.908
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư &amp; XD Phước Hòa</b>		
Giao thầu xây lắp	57.400.082.694	47.827.518.052
Bán vật tư	5.509.838.751	5.639.513.012
Mua vật tư	366.287.240	-
Cho thuê thiết bị	3.520.621.865	-
Lãi trả chậm	24.166.667	108.199.589
<b>Công ty Cổ phần bao bì Nhơn Trạch</b>		
Bán vật tư	384.226.918	5.875.958.995
Mua vật tư	-	1.798.752.095

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.689.306.000	1.906.577.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	2010 (VNĐ)	2009 (VNĐ)
--	------------	------------

## Các khoản phải thu thương mại

Tổng Công ty xây dựng số 1	23.768.706.294	12.340.092.224
Công ty Cổ phần XD và TM Biển Tây	6.371.127.881	2.155.191.981
Công ty Cổ phần XD và TM Ban Tích	19.472.653.576	14.583.792.330
Công ty Cổ phần Đầu tư & XD Phước Hòa	317.783.029	2.596.488.600
Công ty Cổ phần bao bì Nhơn Trạch	85.434.500	83.520.457

## Các khoản phải thu khác

Công ty TNHH TM XD và KD nhà An Phúc	7.571.911.963	-
Công ty Cổ phần XD và TM Biển Tây	1.286.530.864	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Phố Đông	-	11.662.000.000

## Các khoản phải trả thương mại

Công ty Cổ phần XD và TM Biển Tây	5.146.271.358	4.608.000.429
Công ty Cổ phần XD và TM Ban Tích	-	2.758.739.101
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa	4.125.572.476	5.217.725.409
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Phố Đông	-	115.085.231.250

## 30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này do việc áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC. Chi tiết như sau:

Tài khoản ảnh hưởng	Mã số	Trước khi trình bày lại (VNĐ)	Sau khi trình bày lại (VNĐ)	Chênh lệch (VNĐ)
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.403.860.676	1.386.986.052	(16.874.624)
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	3.153.138.593	(3.153.138.593)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	16.874.624	-	16.874.624
<b>NGUỒN VỐN</b>				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	3.153.138.593	-	3.153.138.593

## 31. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 8 tháng 4 năm 2011.



**PHẠM ANH TUẤN**  
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 4 năm 2011

**Nguyễn Thị Thanh Hương**  
Kế toán trưởng

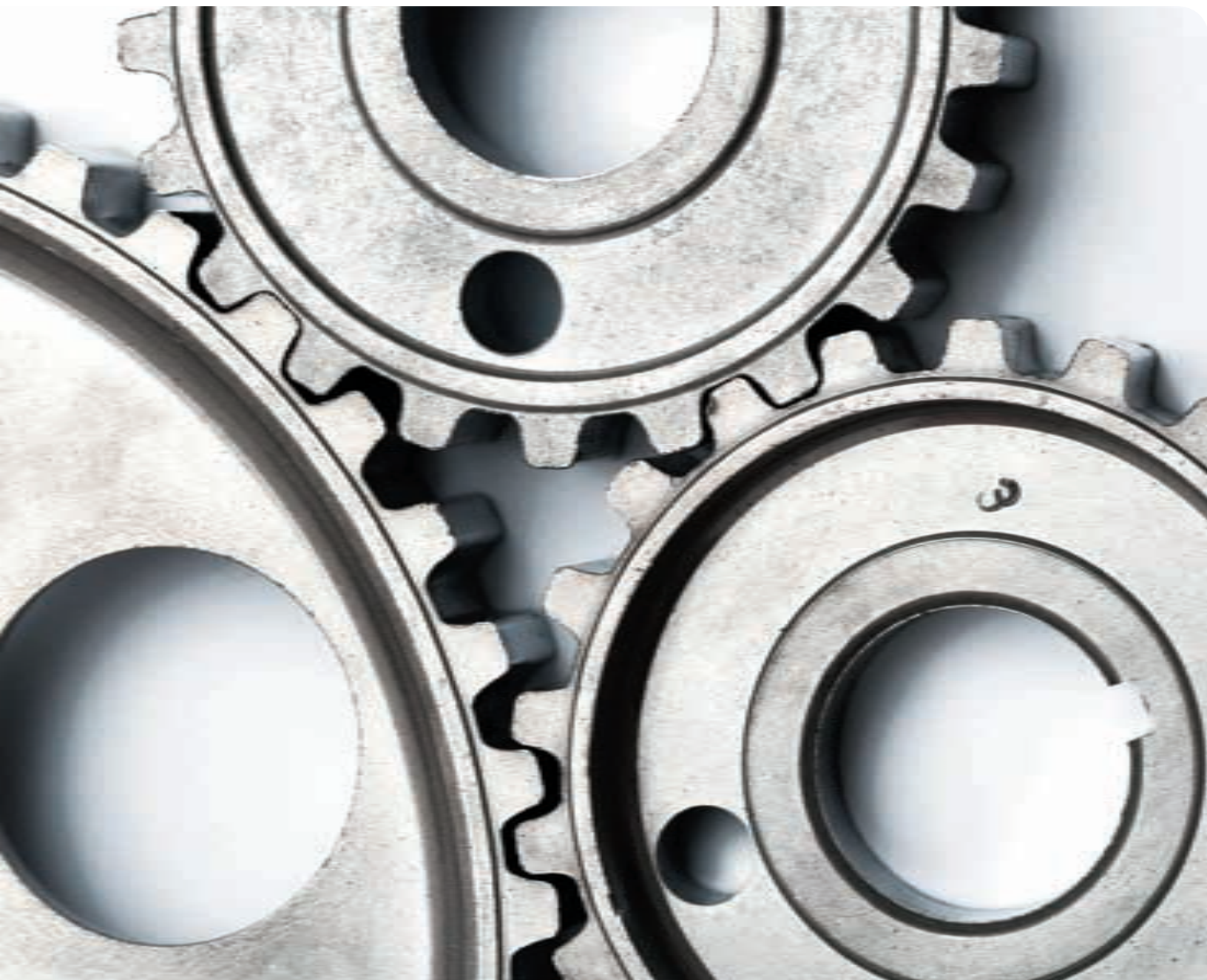
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*





KẾ HOẠCH  
HOẠT ĐỘNG  
NĂM **2011**





# KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

Trong bối cảnh không thuận lợi của năm 2011, nhiều doanh nghiệp - đặc biệt là các doanh nghiệp xây dựng và bất động sản hoạt động ở phía Nam đã lập kế hoạch hoạt động năm 2011 với nhiều chỉ tiêu giảm so với năm 2010.

Ban Giám đốc C&T đã rất thận trọng khi lập kế hoạch cho năm 2011, xuất phát từ định hướng chiến lược chung cho cả tập đoàn (gồm C&T và các Công ty thành viên, liên kết), đến xây dựng phương án cho từng bộ phận; **đặc biệt là các bước chuẩn bị cho sự vươn lên sau khủng hoảng.** Trên cơ sở đó, Ban Giám đốc đã quyết định: **Giữ vững các lĩnh vực hoạt động, ổn định các chỉ tiêu (doanh thu, lợi nhuận);**

Không hề chủ quan và thiếu tự tin khi đối mặt với những thách thức và biến động của nền kinh tế vĩ mô trước mắt, Ban giám đốc xác định đây là điều kiện thuận lợi để rèn luyện bản lĩnh, trau dồi kỹ năng và phát huy truyền thống sẵn có của C&T: **Tinh thần đoàn kết.**

Cụ thể kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 được hoạch định như sau:

NỘI DUNG	DOANH THU	LÃI GỘP
<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>3.237.745</b>	<b>85.022</b>
Trong đó:		
GTKD Vật tư trong nước và XNK	2.938.650	41.154
Giá trị sản xuất xây lắp, thiết bị	220.240	16.270
Giá trị sản xuất VLXD	28.400	5.098
Giá trị KD BĐS và thu nhập khác	50.500	22.500

- Lợi nhuận trước thuế dự kiến: 30 tỷ đồng
- Giá trị đầu tư các dự án trong năm 2011 dự kiến: 100 tỷ đồng
- Cổ tức dự kiến: không thấp hơn 15%

## ■ LĨNH VỰC KINH DOANH - XNK:

- Xây dựng mục tiêu kế hoạch năm 2011 với mục tiêu ưu tiên tăng trưởng lợi nhuận và đảm bảo doanh thu tương ứng với tỷ lệ doanh thu là 101% và lợi nhuận 126% so với năm 2010. Trong đó, ưu tiên kinh doanh các vật liệu xây dựng truyền thống, nâng cao chất lượng cung ứng đem lại uy tín cho Công ty.
- Năm 2011, Công ty tiếp tục ưu tiên việc cung cấp các mặt hàng truyền thống như xi măng, sắt, thép, gạch, đá, sỏi... cho các dự án lớn trọng điểm như: Dự án nhiệt điện Vũng Áng - Hà Tĩnh (160 tỷ đồng), dự án cao tốc Long Thành - Dầu Giây (200 tỷ đồng), dự án nhiệt điện Trà Vinh, dự án Cái Mép Thị Vải..
- Tìm kiếm và phát triển các mặt hàng mới (bao gồm cả những vật liệu chống thấm bằng gốc xi măng, PU, acrylic, epoxy... cho bề mặt bê tông và kim loại trong các công trình xây dựng).

## ■ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

- Dự án khu đô thị mới Hà Tiên: Công ty định hướng sẽ hoàn chỉnh thủ tục điều chỉnh tiến độ, quy hoạch và mức đầu tư. Năm 2011, chỉ triển khai một số gói kích cầu như thảm nhựa, bến tàu, cây xanh... Công ty tiếp tục chủ trương tăng cường mời gọi vốn đầu tư vào các thành phần của dự án mang tính chất kích cầu.
- **Đối với dự án Green Pearl:** triển khai thi tuyển phương án kiến trúc dự án, thiết kế 1/500 trong năm 2011
- **Dự án chung cư Mỹ Phúc:** trong quý 2/2011 tiến hành đầu tư khu biệt thự và đưa vào kinh doanh khai thác.
- **Dự án chung cư Phú Long:** Hoàn thành việc chuyển tên chủ đầu tư dự án và điều chỉnh phê duyệt quy hoạch TL 1/500. Bên cạnh đó, tiến hành đánh giá thị trường nhà đất tại khu vực để làm cơ sở cho Ban Tổng giám đốc quyết định quy mô đầu tư nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

## ■ XÂY LẮP - THIẾT BỊ

- Tận dụng đà phục hồi từ năm 2010 trong lĩnh vực xây lắp, toàn khối quyết tâm đưa ra kế hoạch năm 2011 với mức doanh thu tăng 113% và lãi gộp tăng 118% so với năm 2010.

- Bảo đảm nguồn lực và tiến độ thầu thi công các gói thầu đã ký kết hoặc đang triển khai. Đồng thời đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm các công trình mới.

- Tiếp tục đầu tư và khai thác hết công suất các thiết bị sẵn có, tìm kiếm thêm hợp đồng mới cho các bộ kỹ thuật đặc biệt là các dự án trọng điểm quốc gia và các dự án đầu tư nước ngoài.

## ■ CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Một doanh nghiệp muốn vươn lên vị trí hàng đầu trong nền kinh tế thị trường ngày càng mở như hiện nay, cần phải có một đội ngũ có đủ trình độ tri thức, năng động, nhạy bén, vì vậy công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác cho mỗi một Cán bộ CNV trong toàn Công ty rất cần thiết. Công ty có kế hoạch đào tạo như sau:

+ Cán bộ lãnh đạo từ Trưởng phòng trở lên tham dự các lớp nâng cao chuyên môn, năng lực Quản lý, điều hành như: Lớp CEO; PEA;...

+ Khối Xây lắp tham gia các lớp học: Giám sát thi công; Chỉ huy trưởng công trình; Quản lý dự án đầu tư; Đấu thầu; Định giá xây dựng, ATLĐ; An toàn điện; Thiết bị nâng;...

+ Khối nghiệp vụ: Tham gia lớp Nghiệp vụ Kế toán, nhân sự, đào tạo;...

+ Khối Kinh doanh XNK: tham gia lớp học Tiếng Anh chuyên ngành TM; chăm sóc khách hàng;...

+ Ngoài các lớp chuyên môn, nghiệp vụ, CBCNV Công ty được tham dự các lớp học do Cấp ủy Công ty tổ chức để hiểu biết thêm về tình hình chính trị trong nước và Thế giới.

Bên cạnh đó, Công ty có những chế độ, chính sách như lương thưởng hợp lý đảm bảo đời sống cho CBCNV an tâm công tác, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty.

## ■ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

- Mở đá Trà Đuốc: hoàn tất việc xin nâng cao công suất khai thác mỏ (từ 250.000m<sup>3</sup>/năm đến 400.000m<sup>3</sup>/năm) để phục vụ cho nhu cầu thị trường ngày càng cao tại đảo Phú Quốc và khu vực các tỉnh lân cận.

- Dự án Cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng 31ha tại huyện Kiên Lương - Kiên Giang: hoàn tất các thủ tục pháp lý dự án, sớm đưa vào khai thác tạo ra những sản phẩm vật liệu xây dựng mới nhằm sớm phục vụ các công trình xây dựng tại đảo Phú Quốc và các tỉnh trong khu vực.

- Mở rộng đầu tư nâng cao công suất Nhà máy VINA-PSMC cọc ván bê tông dự ứng lực phục vụ cho các dự án nhà máy nhiệt điện và chương trình chống biến đổi khí hậu.

## ■ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

- Trong tình hình vốn điều lệ Công ty rất thấp (100 tỷ đồng) chiếm 5,4% và vốn chủ sở hữu chỉ đạt khoảng 13% so với tổng tài sản, chủ yếu dựa vào vốn vay Ngân hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên áp lực tài chính rất lớn cho toàn Công ty. Bên cạnh đó, nhận định thị trường chứng khoán không mấy thuận lợi nên Hội Đồng Quản Trị chưa trình Đại hội cổ đông tăng vốn điều lệ trong năm 2011. Ban Tổng giám đốc chủ trương duy trì bảo toàn vốn trong hoạt động kinh doanh năm 2011.

- Chú trọng thu hồi vốn, đẩy nhanh vòng quay vốn lưu động.

- Đưa ra các chính sách khuyến khích tiết kiệm, giảm chi phí.

- Hoàn thiện công tác quản trị rủi ro và hiệu quả sử dụng vốn

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ và có hiệu quả nguồn vốn Công ty đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết.



THÔNG TIN  
CỔ ĐÔNG  
& CÁC  
THÀNH VIÊN  
GÓP VỐN





# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị có 06 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành. Các thành viên trong Hội đồng quản trị đều là cổ đông và cán bộ của Công ty.

- Bà Đỗ Thị Ngọc Bình : Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Phúc Huy : Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Anh Tuấn : Thành viên HĐQT kiêm TGD
- Ông Hoàng Ngọc Minh : Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
- Bà Nguyễn Thị Minh Hằng : Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kinh doanh XNK số 1
- Ông Louis T Nguyen : Thành viên HĐQT

HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại Hội Đồng Cổ Đông. Toàn bộ thành viên trong HĐQT đều là những người có năng lực, kinh nghiệm cao trong lĩnh vực xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng và quản lý dự án bất động sản.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị C&T đã tổ chức 07 phiên họp với các nội dung chính như sau:

### Phiên 1 (29/01/2010):

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2010
- Tổ chức khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc
- Kế hoạch chuẩn bị tổ chức đại hội cổ đông

### Phiên 2 (22/3/2010)

- Báo cáo kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư của Công ty năm 2010 và 2011
- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án phát hành trái phiếu

### Phiên 3 (12/5/2010):

- Kiểm điểm kết quả kinh doanh quý 1/2010
- Công tác phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

### Phiên 4 (03/06/2010):

- Ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty quyết định giá phát hành cụ thể trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
- Quyết định phân bổ số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu thêm.

### Phiên 5 (20/7/2010):

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010 và thông qua kế hoạch quý 3/2010
- Kiểm điểm tiến độ đầu tư các dự án và thông qua chủ trương đầu tư mới

### Phiên 6 (15/10/2010):

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2010
- Kiểm điểm tiến độ thực hiện các dự án đầu tư
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4/2010

### Phiên 7(08/12/2010):

- Thông qua kết quả đăng ký mua 3.000.000 cp trong đợt phát hành thêm
- Thông qua các thủ tục sau khi tăng vốn





### BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên:

- Bà Võ Ngọc Thảo : Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Hà Văn Minh : Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Lê Thanh Tùng : Thành viên Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát của Công ty là thành viên có chuyên môn về kế toán, hoạt động độc lập với bộ phận kế toán tài chính của Công ty. Trong năm qua các thành viên HĐQT và BKS đã hoàn thành trách nhiệm và công việc của mình, không có mâu thuẫn về quyền lợi, xung đột lợi ích với công ty.

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Tham gia tổ chức Đại Hội Cổ Đông Thường Niên năm 2010
- Tham gia các phiên họp của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Cổ Đông để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và trao đổi ý kiến với Hội Đồng Quản Trị
- Xem xét báo cáo kinh doanh tài chính từng quý và cả năm

### TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẮM GIỮ CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT (theo danh sách chốt ngày 24/3/2011)

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỈ LỆ %
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>				
1	Đỗ Thị Ngọc Bình	Chủ tịch		
	- Đại diện phần vốn Nhà nước		3.450.000	34,45%
	- Cá nhân		112.150	1,12%
2	Nguyễn Phúc Huy	Phó Chủ tịch	28.670	0,29%
3	Louis T Nguyen	Thành viên		
	- Đại diện VietNam Property Holding		2.490.555	24,87%
4	Phạm Anh Tuấn	Thành viên	74.450	0,74%
5	Nguyễn Thị Minh Hương	Thành viên	56.800	0,57%
6	Hoàng Ngọc Minh	Thành viên	22.012	0,22%

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỈ LỆ %
<b>II BAN KIỂM SOÁT</b>				
1	Võ Ngọc Thảo	Trưởng Ban	2.500	0,02%
2	Hà Văn Minh	Thành viên	2.950	0,03%
3	Lê Thanh Tùng	Thành viên	520	0,01%
<b>III BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>				
1	Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám Đốc	74.450	0,74%
2	Hoàng Ngọc Minh	P.Tổng Giám Đốc	22.012	0,22%
3	Đỗ Đức Minh	P.Tổng Giám Đốc	20.000	0,20%
4	Phùng Đạt Đức	P.Tổng Giám Đốc	33.000	0,33%
5	Trần Công Quốc Bảo	P.Tổng Giám Đốc	25.610	0,26%
6	Phan Trung Huy	P.Tổng Giám Đốc	65.350	0,65%
7	Nguyễn Thanh Tuân	P.Tổng Giám Đốc	3.750	0,04%
8	Trần Mạnh Hùng	Giám Đốc Tài Chính	10.500	0,10%
<b>IV KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>				
1	Nguyễn Thị Thanh Hương		38.125	0,38%

## THÔNG TIN VỀ CÁC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BAN KIỂM SOÁT

- Bà **Đỗ Thị Ngọc Bình** - CT HĐQT mua 7.000 cp từ ngày 10/9/2010 đến ngày 10/11/2010, tổng số nắm giữ 112.150 cp, chiếm tỷ lệ 1,12%
- Ông **Nguyễn Phúc Huy** - TV HĐQT bán 20.000 cp từ ngày 09/09/2010 đến ngày 09/11/2010, tổng số nắm giữ 28.670 cp, chiếm tỷ lệ 0,29%
- Ông **Phạm Anh Tuấn** - TV HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc mua 9.000 cp từ ngày 01/10/2010 đến ngày 09/11/2010, tổng số nắm giữ 74.450 cp, chiếm tỷ lệ 0,74%

- Ông **Hoàng Ngọc Minh** - TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc bán 12.200 cp từ ngày 01/10/2010 đến ngày 01/12/2010, tổng số nắm giữ 22.012 cp, chiếm tỷ lệ 0,22%

- Ông **Trần Công Quốc Bảo** - Phó Tổng Giám Đốc bán 10.000 cp từ ngày 09/7/2010 đến ngày 09/09/2010, tổng số nắm giữ 25.610 cp, chiếm tỷ lệ 0,26%

- Ông **Đỗ Đức Minh** - Phó Tổng Giám Đốc bán 18.000 cp từ ngày 19/7/2010 đến ngày 19/9/2010, tổng số nắm giữ 20.000 cp, chiếm tỷ lệ 0,2%

- **VietNam Property Holding** (do ông **Louis T Nguyen** làm đại diện sở hữu) mua 520.000 cp từ ngày 08/10/2010 đến ngày 12/11/2010, chiếm 24,87%

## THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC VÀ CHI PHÍ CHO THÀNH VIÊN HĐQT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT THỰC HIỆN 2009

Trong năm 2010, tổng mức thù lao của Hội Đồng Quản Trị: 216.000.000 đồng, tương ứng với 0,7% lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình.

Tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát: 48.000.000 đồng, tương ứng với 0,16% lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Thành viên Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

# CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN

## TÌNH HÌNH CỔ PHIẾU CNT:

Ngày 14/01/2011, Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM đã có Quyết định số 07/2011/QĐ-SGDHCM chấp thuận niêm yết bổ sung 15.069 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư.

Ngày 21/01/2011, 15.069 cổ phiếu bổ sung của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.

- Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành: 10.015.069 cổ phiếu.

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

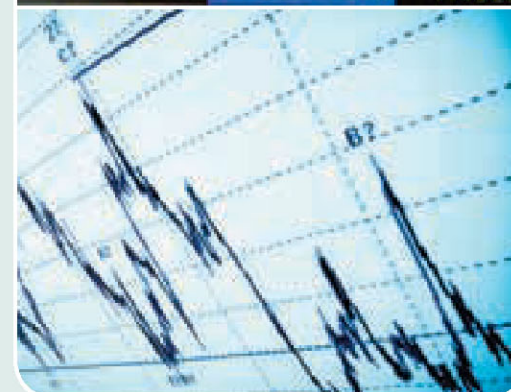
## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 314/2011-CNT/VSD-ĐK ngày 28/3/2011 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán - CN Tp.HCM cung cấp, số lượng và cơ cấu vốn cổ đông của Công ty như sau:

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
<b>A</b>	<b>Tổng số cổ phần</b>	<b>10.015.069</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ	5.940.555	59,32%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% vốn điều lệ	239.100	2,39%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% vốn điều lệ	3.835.414	38,29%
<b>B</b>	<b>Trong đó:</b>		
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>7.308.882</b>	<b>72,98%</b>
	Cá nhân	3.731.948	37,26%
	Tổ chức	3.576.934	35,72%
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>2.706.187</b>	<b>27,02%</b>
	Cá nhân	88.302	0,88%
	Tổ chức	2.617.885	26,14%

## THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY)

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
<b>Cổ đông Nhà nước: Tổng Công ty XD số 1</b>	111Pasteur (lầu 8,9), P.Bến Nghé, Q.1, TP. HCM	3.450.000	34,45%
<b>VietNam Property Holding</b>	TMS Building, Lầu 12, 172 Hai Bà Trưng, Q.1, TP. HCM	2.490.555	24,87%



# CÙNG BẠN ĐI ĐẾN THÀNH CÔNG



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, P. Nguyễn Thái Bình,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84 8) 3829 5488 – Fax: (84 8) 3821 1096  
Email: [cnt@cnt.com.vn](mailto:cnt@cnt.com.vn) – [info@cnt.com.vn](mailto:info@cnt.com.vn)

[www.cnt.com.vn](http://www.cnt.com.vn)